

Số: TM-12719/25

Ngày: 24/09/2025

«THỎA THUẬN»
«СОГЛАСОВАНО»

Phó Tổng giám đốc XDCB Vietsovpetro
Зам.ген.директора по кап. строительству
СП «Вьетсовпетро»

«PHÊ DUYỆT»
«УТВЕРЖДАЮ»

Phó Tổng giám đốc Thương mại Vietsovpetro
Зам.ген.директора по коммерческой работе
СП «Вьетсовпетро»

Đặng Đức Phong

Trần Quốc Thắng

HỒ SƠ MỜI THẦU

Документы приглашения на тендер

- ❖ Số hiệu gói thầu/ Номер пакета: DV-3458/25-DSNO.
- ❖ Tên gói thầu: Bảo trì các căn hộ theo kế hoạch tháng, quý, năm 2025-2026 Tiểu khu 1.
Название тендерного пакета: Ремонт квартир по месячным, квартальным и годовым планам в м/р № 1 (2025г.-2026г.).
- ❖ Cơ sở, căn cứ pháp lý/ Юридическое обоснование:
Quy chế về thể thức mua sắm hàng hóa và thuê dịch vụ để đảm bảo tính liên tục cho sản xuất và duy trì hoạt động thường xuyên của Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro/ VSP-000-TM-238-Phiên bản 02 và sửa đổi số 1.
Положением о порядке приобретения товаров и услуг для обеспечения непрерывность хозяйственно-производственной деятельности и поддержания постоянной работы СП «Вьетсовпетро»/ VSP-000-TM-238 – Версия 02 и редакция 01.

I. DANH MỤC HỒ SƠ MỜI THẦU TRÌNH PHÊ DUYỆT

Phần I. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần II. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần III. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần IV. CÁC PHỤ LỤC

II. DANH MỤC TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐÍNH KÈM

- Đơn hàng № DV-3458/25-DSNO
- Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Tổ chuyên gia:

Phó phòng Thương mại:
Tổ trưởng Tổ chuyên gia

Nguyễn Thanh Quý

Q. Trưởng Ban DSNO & VPLV:
Tổ phó Tổ chuyên gia

Nguyễn Dy Khanh

Các thành viên:

Ban DSNO & VPLV:

Serov.A.S.

Saliev D. V.

Ngô Quốc Việt

Dzyra D.V.

Glebova S.N.

Nguyễn Bá Toàn

Phòng XDCB:

Filatov.S.A.

Lê Thị Thanh Tâm

Phòng Kế Toán

Trần Sơn Tùng

Phòng Thương Mại

Ngô Bá Đạt - 2004



HỒ SƠ MỜI THẦU

Số hiệu gói thầu và số E-TBMT (trên Hệ thống):	DV-3458/25-DSNO
Tên gói thầu (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):	Bảo trì các căn hộ theo kế hoạch tháng, quý, năm 2025-2026 Tiểu khu 1
Dự án (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):	_____
Phát hành ngày (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):	_____
Ban hành kèm theo Quyết định (theo nội dung E-TBMT trên Hệ thống):	_____



MỤC LỤC

MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần 4. CÁC PHỤ LỤC



MÔ TẢ TÓM TẮT

Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSDT, mở thầu, đánh giá E-HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSDT, cụ thể:

- Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT) được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm) được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống;
- Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật), Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính) và Mục 5 (Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)) là tệp tin PDF do Chủ đầu tư chuẩn bị và đăng tải trên Hệ thống.

Căn cứ các thông tin do Chủ đầu tư nhập, Hệ thống sẽ tự động tạo ra các biểu mẫu dự thầu có liên quan tương ứng với tiêu chuẩn đánh giá.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSMT và E-HSDT.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này bao gồm các yêu cầu về kỹ thuật của dịch vụ phi tư vấn được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/CAD do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này bao gồm các điều khoản, điều kiện, dữ liệu và các biểu mẫu cấu thành bộ hợp đồng hoàn chỉnh.

Phần này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ phi tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC

Phụ lục 1:

Bảng khối lượng mời thầu

Yêu cầu nhà thầu chào đúng, đủ và chính xác đơn vị tính theo Bảng khối lượng mời thầu.

Phụ lục 2:

Yêu cầu kỹ thuật

Phụ lục 3:

Bảng tiêu chí đánh giá về mặt kỹ thuật Hồ sơ dự thầu.



Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU
Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

1. Phạm vi gói thầu	<p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại E-BDL phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ phi tư vấn theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm được quy định tại E-BDL.</p>
2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
3. Nguồn vốn	<p>Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại E-BDL.</p>
4. Hành vi bị cấm	<p>4.1 Đưa, nhận, môi giới hối lộ;</p> <p>4.2 Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào công tác lựa chọn nhà thầu;</p> <p>4.3 Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị Hồ sơ dự thầu hoặc rút Hồ sơ dự thầu để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký Hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4 Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong Hồ sơ dự thầu nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5 Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;</p> <p>b) Cản trở Người có thẩm quyền, chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;</p>

- d) Cố tình khiêu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu thầu;
- đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.
- 4.6 Không bảo đảm công bằng, minh bạch, bao gồm các hành vi sau đây:
- a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Mục 5-CDNT;
- b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định Hồ sơ mời thầu đối với cùng một gói thầu, dự án;
- c) Tham gia đánh giá Hồ sơ dự thầu đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu, dự án;
- d) Cá nhân thuộc Bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia Tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là Người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu;
- đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định Hồ sơ mời thầu; đánh giá Hồ sơ dự thầu; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện Hợp đồng;
- e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;
- f) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;
- 4.7 Tiết lộ những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà thầu:
- a) Nội dung Hồ sơ mời thầu trước thời điểm phát hành theo quy định;
- b) Nội dung Hồ sơ dự thầu, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng Hồ sơ dự thầu trước khi công khai danh sách ngắn, kết quả lựa chọn nhà thầu;
- c) Nội dung yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá Hồ sơ dự thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;
- d) Báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của Tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;
- đ) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;
- e) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được đóng dấu mật theo quy định của Quy chế số VSP-000-TM-238.

	<p>4.8. Chuyển nhượng thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng trên 02 triệu USD (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ đã được kê khai trong Hợp đồng) tính trên giá Hợp đồng đã ký kết (theo quy chế 238).</p>
<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp; b) Hạch toán tài chính độc lập; c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; d) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại E-BDL. đ) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và Vietsovpetro; f) Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống. <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; c) Đáp ứng điều kiện quy định tại điểm c, d và điểm e Mục 5.1 E-CDNT. <p>5.3 Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân; b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật; c) Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật; d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu.
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu; - Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT;

	<p>- Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.</p> <p>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</p> <p>- Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.</p> <p>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</p> <p>Phần này bao gồm các điều khoản, điều kiện, dữ liệu và các biểu mẫu cấu thành bộ hợp đồng hoàn chỉnh.</p> <p>Phần 4. Các phụ lục</p> <p>6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì bên mời thầu đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm) theo hình thức được quy định tại BDL. Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu thông qua Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại BDL trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Bên mời thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để kịp thời làm rõ E-HSMT theo đề nghị của nhà thầu.</p> <p>7.4. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT.</p> <p>7.5. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong E-HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại E-BDL. Bên mời thầu đăng tải giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ E-HSMT đăng tải trên Hệ thống trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc hội nghị tiền đấu thầu.</p> <p>7.6. Trường hợp E-HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn</p>

	<p>bản sửa đổi E-HSMT.</p> <p>7.7. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>7.8 Song song với việc làm rõ/ trả lời làm rõ trên Hệ thống, Bên mời thầu/Nhà thầu có thể gửi văn bản bằng đường văn thư/ fax/ email trực tiếp để biết thông tin và chuẩn bị kịp thời hồ sơ tài liệu liên quan.</p>
8. Chi phí dự thầu	E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Chi phí nộp E-HSDT theo quy định tại E-BDL . Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.
9. Ngôn ngữ của E-HSDT	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSDT	<p>E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT</p> <p>10.2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh);</p> <p>10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 E-CDNT;</p> <p>10.4. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại mục 5 E-CDNT;</p> <p>10.5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký HSDT phù hợp theo quy định tại mục 5 E-CDNT.</p> <p>10.6. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 E-CDNT;</p> <p>10.7. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 E-CDNT;</p> <p>10.8. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT theo quy định tại Mục 12 E-CDNT (nếu có);</p> <p>10.9. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 13 E-CDNT;</p> <p>10.10. Chi tiết E-CDNT từ 10.1-10.9 và các nội dung khác được quy định tại E-BDL.</p>
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất và các bảng biểu để hoàn thành E-HSDT.
12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT	12.1. Trường hợp E-HSMT quy định tại E-BDL về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.

	<p>12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ, tiến độ thực hiện, chi phí... và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.</p>
<p>13. Giá dự thầu và giảm giá</p>	<p>13.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Nhà thầu sẽ điền giá dự thầu vào đơn dự thầu trên webform của hệ thống.</p> <p>13.2. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, giá trị giảm giá được tính trên giá dự thầu không bao gồm dự phòng.</p> <p>13.3. Các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu. Trường hợp tại cột “đơn giá” nhà thầu ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hạng mục công việc này vào hạng mục công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các hạng mục công việc theo yêu cầu của E-HSMT bảo đảm chất lượng, tiến độ.</p> <p>13.4. Nhà thầu phải nộp E-HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong E-HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong cột “Danh mục dịch vụ” theo Mẫu số 11 Chương IV.</p> <p>13.5. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</p> <p>13.6. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trường hợp nhà thầu có đơn giá thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của đơn giá thấp khác thường đó.</p>
<p>14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</p>	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.</p>
<p>15. Tài liệu chứng minh sự đáp ứng về kỹ thuật</p>	<p>15.1. Để chứng minh sự đáp ứng của dịch vụ so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của E-HSDT (đính kèm file lên Hệ thống) để chứng minh rằng các dịch vụ mà mình cung cấp phù hợp với các yêu cầu và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương V.</p> <p>15.2. Các tiêu chuẩn về cung cấp dịch vụ chỉ mang tính mô tả mà không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ khác với điều kiện chứng minh được với Chủ đầu tư rằng những tiêu chuẩn thay thế này tương đương hoặc cao hơn so với những tiêu chuẩn quy định tại Chương V.</p>
<p>16. Tài liệu</p>	<p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương</p>

<p>chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</p>	<p>IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Mục 2 Chương III. Trường hợp nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ.</p> <p>16.2. Trường hợp gói thầu đã áp dụng sơ tuyển, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự sơ tuyển thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
<p>17. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT</p>	<p>17.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại E-BDL.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Trong trường hợp này, nhà thầu không phải nộp bản gốc thư bảo lãnh cho Bên mời thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
<p>18. Bảo đảm dự thầu</p>	<p>18.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro. Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu dưới 20 triệu đồng thì thực hiện theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy hoặc Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Thư bảo lãnh (<i>áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro</i>) và đính kèm khi nộp E-HSDT phát hành. Trường hợp E-HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 E-CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu.</p> <p>Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:</p> <p>a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;</p> <p>b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách</p>

nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại **E-BDL**.

18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có chữ ký hợp lệ ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A hoặc Mẫu số 04B hoặc Mẫu số 04C Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp áp dụng Thư bảo lãnh (*Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định **E-BDL**. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.

18.5. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) cho Bên mời thầu:

- a) Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu;
- b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:
 - Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSMT, nhà thầu có văn bản rút E-HSMT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSMT theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;
 - Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Mục 4 E-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33 E-CDNT;
 - Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT;
 - Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu hoặc đã

	<p>thương thảo hợp đồng và đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản thương thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu, hoặc đưa ra những điều kiện khác với các nội dung trong E-HSDT hoặc rút lại các cam kết trong E-HSDT dẫn đến thương thảo Hợp đồng không thành công trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện Hợp đồng trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc từ chối ký kết Hợp đồng trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày đã hoàn thiện Hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.</p> <p>18.6. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên mời thầu, nếu nhà thầu từ chối hoặc không nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) theo yêu cầu của Bên mời thầu thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.</p> <p>18.7. Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.2 E-CDNT nhỏ hơn 20 triệu đồng, tại thời điểm đóng thầu, nhà thầu không phải đính kèm thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.1 E-CDNT mà phải cam kết trong đơn dự thầu (không phải đính kèm cam kết riêng bằng văn bản) là nếu được mời vào thương thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu hoặc vi phạm quy định tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT thì phải nộp một khoản tiền hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng giá trị quy định tại Mục 18.2 E-CDNT. Trường hợp nhà thầu không thực hiện theo cam kết nêu trên, nhà thầu bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu nêu trong đơn dự thầu (bị nêu tên trên Hệ thống và bị khóa tài khoản trong vòng 06 tháng, kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư). Trường hợp nhà thầu vi phạm quy định nêu tại điểm b Mục 18.5 E-CDNT sẽ không được hoàn trả khoản tiền bảo đảm dự thầu này.</p>
<p>19. Thời điểm đóng thầu</p>	<p>1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
<p>20. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT</p>	<p>20.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi.</p> <p>20.3. Rút E-HSDT: nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu và Hệ thống sẽ thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSDT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút</p>

	<p>E-HSDT của nhà thầu.</p> <p>20.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.</p>
21. Mở thầu	<p>21.1. Bên mời thầu phải tiến hành mở thầu và công khai biên bản mở thầu trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng.</p> <p>21.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Giá trị và hiệu lực bảo đảm dự thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSDT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
22. Bảo mật	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSDT (nếu cần thiết) và thương thảo hợp đồng, đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến E-HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
23. Làm rõ E-HSDT	<p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSDT theo yêu cầu của Bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong</p>

	<p>E-HSDT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Nhà thầu không thể tự làm rõ E-HSDT sau thời điểm đóng thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, cung cấp vật liệu chính, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p>
<p>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</p>	<p>Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá E-HSDT:</p> <p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong E-HSMT.</p>
<p>25. Xác định tính đáp ứng của E-HSDT</p>	<p>25.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10 E-CDNT.</p> <p>25.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả sử dụng của dịch vụ được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu</p>

	<p>trong E-HSMT .</p> <p>25.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 15 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu nêu trong Phần 2 – Yêu cầu về kỹ thuật đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT nhằm làm cho E-HSDT đó đáp ứng cơ bản E-HSMT.</p>
<p>26. Sai sót không nghiêm trọng</p>	<p>26.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT.</p> <p>26.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. E-HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của bên mời thầu.</p> <p>26.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các E-HSDT.</p>
<p>27. Nhà thầu phụ</p>	<p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để thực hiện một phần công việc trong bảng giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị, cho thuê thiết bị thi công. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ. Nhà thầu phải kê khai Nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho Nhà thầu phụ theo Mẫu số 09A Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được Nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho Nhà thầu phụ.</p> <p>27.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại E-BDL.</p> <p>27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được</p>

	<p>chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>27.5. Nhà thầu chính không được sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT; việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận; trường hợp sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ có giá trị từ 10% trở lên (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết thì được coi là hành vi “chuyên nhượng thầu”.</p>
<p>28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</p>	<p>28.1. Đối tượng được hưởng ưu đãi:</p> <p>Nhà thầu có sử dụng số lượng lao động nữ từ 25% trở lên; số lượng lao động là thương binh, người khuyết tật từ 25% trở lên; số lượng lao động là người dân tộc thiểu số từ 25% trở lên và các nội dung ưu đãi khác theo quy định tại E-BDL.</p> <p>28.2. Cách tính ưu đãi:</p> <p>Xếp hạng cao hơn cho nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi trong trường hợp nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi và nhà thầu không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi được đánh giá ngang nhau.</p> <p>28.3. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi thì phải đính kèm tài liệu chứng minh trong E-HSDT.</p>
<p>29. Đánh giá E-HSDT</p>	<p>29.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại E-BDL để đánh giá E-HSDT.</p> <p>29.2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại Mục 29.1 E-CDNT, Bên mời thầu chọn 01 trong 02 quy trình đánh giá E-HSDT dưới đây cho phù hợp để đánh giá E-HSDT. Bên mời thầu đánh giá trực tiếp trên cơ sở E-HSDT nhà thầu đã nộp.</p> <p>29.3. Quy trình 1 (áp dụng đối với phương pháp “Giá đánh giá” và “Giá thấp nhất”):</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên mời thầu căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để đánh giá: tư cách hợp lệ trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSDT. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu. - Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh). - Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm. <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bên mời thầu căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để đánh giá: Lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ thuế, doanh thu bình quân hàng năm trên cơ sở thông tin kê khai trong E-HSDT.

- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trên tài liệu đính kèm để đánh giá;
- Đối với các nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu.
- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.

c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.

d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III.

đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại E-BDL. Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không cần phải xếp hạng nhà thầu.

e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 30 E-CDNT. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu và thương thảo hợp đồng.

29.4. Quy trình 2 (chỉ áp dụng đối với phương pháp “giá thấp nhất” và các nhà thầu, E-HSDT đều không có bất kỳ ưu đãi nào):

a) Bước 1: Xếp hạng nhà thầu căn cứ vào giá dự thầu, nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất được xếp hạng thứ nhất. Bên mời thầu tiến hành đánh giá E-HSDT của nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất căn cứ vào biên bản mở thầu trên Hệ thống. Trường hợp có nhiều nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất bằng nhau thì tiến hành đánh giá tất cả các nhà thầu này.

b) Bước 2: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại điểm a Mục 29.3 E-CDNT.

c) Bước 3: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại điểm b Mục 29.3 E-CDNT.

d) Bước 4: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại điểm c Mục 29.3 E-CDNT.

đ) Bước 5: Nhà thầu đáp ứng về mặt kỹ thuật sẽ được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng.

Trường hợp E-HSDT của nhà thầu xếp hạng thứ nhất không đáp ứng thì thực hiện các bước đánh giá nêu trên đối với nhà thầu xếp hạng tiếp theo.

29. 5. Nguyên tắc đánh giá E-HSDT:

a) Bên mời thầu đánh giá trực tiếp trên cơ sở E-HSDT nhà thầu đã nộp. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong E-HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá E-HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;

b) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu, Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự, thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự, thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu

	<p>bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự, thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại Mục 4 E-CDNT và bị xử lý theo quy định;</p> <p>c) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a và b Mục này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai trên webform và file đính kèm thì thông tin theo file đính kèm là cơ sở để xem xét, đánh giá;</p> <p>d) Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu, chứng minh các thông tin mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT.</p>
<p>30. Đối chiếu tài liệu</p>	<p>30.1. Nhà thầu xếp thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu. Nhà thầu phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT, bao gồm:</p> <p>a) Bản gốc bảo đảm dự thầu (đối với trường hợp sử dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy) hoặc tiền mặt theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT;</p> <p>b) Các tài liệu chứng minh về hợp đồng tương tự mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong E-HSDT (hợp đồng, biên bản nghiệm thu, thanh lý, thông tin về hóa đơn theo quy định của pháp luật...);</p> <p>c) Tài liệu chứng minh khả năng huy động nhân sự, thiết bị, bằng cấp, chứng chỉ của nhân sự mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT;</p> <p>d) Tài liệu khác (nếu có).</p> <p>30.2. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được xét duyệt trúng thầu. Đối với số liệu về thuế, doanh thu từ năm 2021 trở đi do nhà thầu tự cập nhật không phù hợp với số liệu trên Hệ thống thuế điện tử dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu bị loại và bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm b Mục 4.4 E-CDNT.</p>
<p>31. Thương thảo hợp đồng</p>	<p>31.1. Việc thương thảo hợp đồng thực hiện theo quy định tại E-BDL;</p> <p>31.2. Trường hợp áp dụng thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p> <p>a) Báo cáo đánh giá E-HSDT;</p> <p>b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT (nếu có) của nhà thầu;</p> <p>c) E-HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có).</p> <p>31.3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung mà nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Việc thương thảo hợp đồng không được làm thay đổi đơn giá dự thầu của nhà thầu;</p> <p>31.4. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, chưa thống nhất giữa E-HSMT và E-HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong E-HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp</p>

	<p>đồng;</p> <p>b) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</p> <p>c) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại Mục 29 E-CDNT;</p> <p>d) Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự chủ chốt (nhân sự đã đề xuất trong E-HSĐT hoặc nhân sự đã được thay thế trước khi thương thảo hợp đồng), trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSĐT kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà thầu được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm, năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>đ) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p> <p>31.5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi công việc, biểu giá, tiến độ thực hiện (nếu có).</p> <p>31.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, bảng giá, tiến độ thực hiện.</p> <p>31.7. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 E-CDNT.</p> <p>31.8. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể thương thảo hợp đồng trực tiếp với bên mời thầu, bên mời thầu có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p>
<p>32. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>32.1. Có E-HSĐT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>32.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>32.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>32.4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;</p> <p>32.5. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại E-BDL;</p> <p>32.6. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.</p>
<p>33. Hủy thầu</p>	<p>33.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p>

	<p>a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi mua sắm làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chí đánh giá đã ghi trong E-HSMT theo quyết định của Chủ đầu tư.</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ các quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 Hành vi bị cấm – Chương I Chỉ dẫn nhà thầu;;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 Hành vi bị cấm – Chương I Chỉ dẫn nhà thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>33.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 33.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>33.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 33.1 E-CDNT, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33.1 E-CDNT.</p>
<p>34. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>34.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời gian thực hiện gói thầu; <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật (nếu có); - Giá đánh giá (nếu có); - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng.

	<p>c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>34.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 33.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
35. Thay đổi khối lượng dịch vụ	<p>35.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSDT và E-HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%.</p> <p>35.2. Tùy chọn mua thêm:</p> <p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư có quyền mua bổ sung khối lượng dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại E-BDL và đáp ứng quy định tại khoản 8 Điều 39 Luật Đấu thầu.</p>
36. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thông qua Hệ thống, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo mẫu quy định tại Phần 3 cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và thông báo trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>
37. Điều kiện ký kết hợp đồng	<p>37.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>37.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của E-HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng.</p> <p>37.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
38. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	<p>38.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Phần 3. Trường hợp áp dụng bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu tại Phần 3 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>38.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p>

	<p>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</p> <p>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</p> <p>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p>
39. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu	<p>39.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Bên mời thầu.</p> <p>39.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại E-BDL.</p>
40. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại E-BDL.</p>



Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

E-CDNT 1.1	Tên Chủ đầu tư: Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro.
E-CDNT 1.2	<p>Tên gói thầu: Bảo trì các căn hộ theo kế hoạch tháng, quý, năm 2025-2026 Tiểu khu 1.</p> <p>Tên dự án/dự toán mua sắm: Kế hoạch sử dụng và bảo trì các căn hộ và các dây nhà tại tiểu khu 1,2 và Mai Anh năm 2025-2026.</p> <p>* Gói thầu không chia phần.</p>
E-CDNT 3	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): Quỹ nhà ở
E-CDNT 5.1 (c)	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro, trừ trường hợp nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó. - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Tư vấn lập, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, thiết kế kỹ thuật tổng thể: Không áp dụng + Tư vấn thẩm định giá: Không áp dụng. + Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định: Không áp dụng + Tư vấn lập, thẩm định E-HSMT: Không áp dụng + Tư vấn đánh giá E-HSDT: Không áp dụng + Tư vấn thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: Không áp dụng + Tư vấn quản lý dự án, quản lý hợp đồng, tư vấn khác mà các dịch vụ tư vấn này có phần công việc liên quan trực tiếp tới gói thầu: Không áp dụng <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với Chủ đầu tư, bên mời thầu, trừ trường hợp nhà thầu là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cơ quan quản lý nhà nước có chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tính chất gói thầu của cơ quan quản lý nhà nước đó.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $Tỷ\ lệ\ sở\ hữu\ vốn = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <p>X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i;</p> <p>Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh;</p>

	n: Số thành viên tham gia trong liên danh.
E-CDNT 7.1	Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu: 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 7.2	Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ E-HSMT đến Bên mời thầu trong khoảng thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu thực hiện làm rõ E-HSMT trên Hệ thống nhưng không muộn hơn 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 7.5	Hội nghị tiền đấu thầu: Không
E-CDNT 8	Chi phí nộp E-HSDT: Theo quy định hiện hành của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
E-CDNT 10	<p>Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> ➤ Toàn bộ hồ sơ pháp lý: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp; ➤ Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu gồm: Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp (Mẫu 03/TNDN) đã đăng tải trên trang thuế điện tử năm 03 năm gần nhất; giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước hoặc giấy xác nhận không nợ thuế để thể hiện đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu trong trường hợp nhà thầu tự kê khai năng lực tài chính mà không được hệ thống tự động trích xuất số liệu về báo cáo tài chính từ hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; hệ thống thuế điện tử vào hồ sơ năng lực của nhà thầu ➤ Các tài liệu chứng minh hợp đồng đã hoàn thành: biên bản nghiệm thu/ biên bản giao hàng/ hóa đơn GTG. <p>Tất cả các tài liệu nộp kèm nêu trên phải được Nhà thầu scan theo định dạng “.pdf”, upload và nộp cùng E-HSDT tại phần đính kèm trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p>
E-CDNT 12.1	Nhà thầu “không được phép” nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.
E-CDNT 17.1	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT là: ≥ 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.
E-CDNT 18.1	Thê thức bảo lãnh dự thầu: Bằng văn bản giấy.
E-CDNT 18.2	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm dự thầu: 75.000.000 VND - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: ≥ 120 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu. - Số tài khoản của Vietsovpetro trong trường hợp thực hiện bảo đảm dự thầu theo hình thức đặt cọc/chuyển khoản: 008.100.000001.1

	Tên người thụ hưởng: Liên doanh Việt Nga Vietsovetro. Tại Ngân hàng Vietcombank, chi nhánh Vũng Tàu.
E-CDNT 18.4	Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 10 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.
E-CDNT 27.2	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0%
E-CDNT 28.1	Các nội dung ưu đãi khác (nếu có): Không áp dụng.
E-CDNT 29.1	Phương pháp đánh giá E-HSDT là: - Đánh giá tính hợp lệ: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt. - Đánh giá về kỹ thuật: Chấm điểm - Đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.
E-CDNT 29.3 (đ)	Xếp hạng nhà thầu: “Nhà thầu có tổng giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất”;
E-CDNT 31.1	Thương thảo hợp đồng: Áp dụng
E-CDNT 32.5	Nhà thầu có tổng giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất;
E-CDNT 35.1	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: Không áp dụng. Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: Không áp dụng
E-CDNT 35.2	- Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng. - Tỷ lệ tùy chọn mua thêm tối đa là: Không áp dụng.
E-CDNT 39.2	- Người có thẩm quyền: Ông Vũ Mai Khanh – Tổng giám đốc Vietsovetro + Địa chỉ: 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh + E-mail/fax: 0254.3839857 - Bộ phận thường trực giúp việc Chủ tịch Hội đồng tư vấn: không áp dụng
E-CDNT 40	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát: Ông Vũ Mai Khanh – Tổng giám đốc Vietsovetro, 105 Lê Lợi, phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh, Fax: 0254.3839857

Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT hoặc Thư bảo lãnh (*áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.

Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Thư bảo lãnh (*áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 4A, Mẫu số 4B, Mẫu số 4C Chương IV). Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 20 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) (Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký thỏa thuận liên danh thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền) và phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo Bảng số 01 Chương này và được scan đính kèm trên Hệ thống. Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng với Chủ đầu tư trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp dịch vụ trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải

VND thì khi lập E-HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND nêu tại E-HSMT để làm cơ sở đánh giá E-HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của.....[ghi căn cứ xác định tỷ giá quy đổi, thường áp dụng tỷ giá bán ra của một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam] tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.



BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu ⁽¹⁾ .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ thuế ⁽²⁾ của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết cùng với đơn dự thầu
3	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)*	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 4.818.518.700 VND .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
4	Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự	Nhà thầu đã hoàn thành ⁽³⁾ tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ ⁽⁴⁾ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến thời điểm đóng thầu Trong đó: Hợp đồng tương tự là hợp đồng: - Có tính chất tương tự: xây dựng/ sửa chữa công trình dân dụng/ thi công xây lắp. - Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 2.602.000.098 VND . - Đã thực hiện xong 100% khối lượng công việc.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05

Ghi chú:

(1) Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

(2) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp E-HSMT được phát hành sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (Ví dụ: ngày phát hành E-HSMT là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(3) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(4) Đối với các hợp đồng mà Bên mời thầu, tổ chuyên gia có bằng chứng cho thấy nhà thầu đã thực hiện với tư cách nhà thầu phụ do được chuyển nhượng thầu bất hợp pháp, vi phạm quy định tại Quy chế số VSP-000-TM-238 – Rev 02 thì hợp đồng này sẽ không được xem xét, đánh giá.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt và thiết bị chủ yếu: Không áp dụng

a) Yêu cầu về nhân sự chủ chốt:

Không yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn không đòi hỏi nhân sự có chuyên môn cao, trừ trường hợp cần lao động có trình độ cao, lao động lành nghề thực hiện công việc đặc thù. Trường hợp dịch vụ phi tư vấn có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có trình độ cao, lao động lành nghề, nhiều kinh nghiệm đảm nhận thì có thể đưa ra yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt để thực hiện các công việc đặc thù, phức tạp này. Ngoài ra, không yêu cầu nhân sự chủ chốt là lao động phổ thông đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn.

Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đáp ứng yêu cầu E-HSMT. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được Chủ đầu tư đính kèm file scan theo E-HSMT lên hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo các Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 02: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (File scan đính kèm trên Hệ thống)⁽¹⁾

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự	Chứng chỉ/trình độ chuyên môn ⁽²⁾
1			tối thiểu __ năm hoặc tối thiểu __ hợp đồng	
2			tối thiểu __ năm hoặc tối thiểu __ hợp đồng	
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì Chủ đầu tư không nhập Bảng này.

(2) Chỉ quy định trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có yêu cầu về bằng cấp/chứng chỉ chuyên môn.

b) Thiết bị chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu:

Căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu đưa ra yêu cầu về thiết bị chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp. Chỉ quy định về thiết bị chủ yếu đối với các thiết bị đặc chủng, đặc thù bắt buộc phải có để triển khai thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi thiết bị không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà

thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Yêu cầu về thiết bị chủ yếu được Chủ đầu tư đính kèm file scan theo E-HSMT lên hệ thống. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các thiết bị chủ yếu được đề xuất theo Mẫu số 06D Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ thiết bị đáp ứng những yêu cầu sau đây:

Bảng số 03: Yêu cầu về thiết bị chủ yếu (File scan đính kèm trên Hệ thống)

STT	Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị	Số lượng tối thiểu cần có
1		
2		
3		
...		

c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng, bị đánh giá về uy tín khi tham gia các gói thầu khác.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

Trường hợp sử dụng phương pháp chấm điểm thì phải quy định mức điểm tối thiểu và mức điểm tối đa đối với từng tiêu chí tổng quát. Có thể quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát; không được quy định mức điểm tối thiểu đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên yêu cầu về các sản phẩm đầu ra được nêu tại Chương V, kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu... và các yêu cầu khác nêu trong hồ sơ mời thầu. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT, Chủ đầu tư phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hiệu quả của việc cung cấp dịch vụ;
- Mức độ hiểu biết về tính chất và mục đích công việc;
- Tính hợp lý và khả thi của kế hoạch, các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp dịch vụ;
- Mức độ đáp ứng hệ thống đảm bảo chất lượng và phương pháp thực hiện;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn thực hiện dịch vụ;
- Tiến độ thực hiện gói thầu đáp ứng yêu cầu của E-HSMT;

- Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động (nếu có);
- Tiêu chí đầu thầu bền vững (nếu có);
- Kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu.
- Các yếu tố cần thiết khác.

3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm¹: **Áp dụng**

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà có thể quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một số tiêu chuẩn tổng quát. Mức điểm yêu cầu tối thiểu quy định không thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật. E-HSDT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát được tính theo điểm kỹ thuật của các tiêu chuẩn chi tiết theo công thức sau:

$$S_j \equiv \sum_{i=1}^k t_{ji} * w_{ji}$$

Trong đó:

t_{ji} = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

w_{ji} = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

k = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát “j”, và

$$\sum_{i=1}^k w_{ji} = 1$$

Tổng điểm kỹ thuật được tính theo công thức sau:

$$T \equiv \sum_{j=1}^n S_j * W_j$$

Trong đó:

S_j = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

W_j = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

N = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và

$$\sum_{j=1}^n W_j = 1$$

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt²: **Không Áp dụng**

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ Khoản 3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt, không đạt.

² Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ Khoản 3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm.

dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong hai phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất³ cho trọn gói: **Áp dụng**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Giá dự thầu là:(đã bao gồm thuế GTGT...)

Đối với vật tư, thiết bị nhập khẩu (nếu có): Trường hợp sử dụng hạn ngạch của Vietsovpetro Lô 09-1, giá dự thầu đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) phát sinh tại Việt Nam và được xét miễn thuế nhập khẩu / Thuế tạm nhập tái xuất và VAT chỉ áp dụng cho giá trị hàng hóa nhập khẩu trên tờ khai hải quan sử dụng Danh mục hàng hóa được miễn thuế dành cho Vietsovpetro Lô 09-1).

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu:

E-HSDT có giá dự thầu, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

4.2. Phương pháp giá đánh giá⁴: **Không áp dụng**

Cách xác định giá đánh giá theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Giá dự thầu là:(đã bao gồm thuế GTGT...)

Đối với vật tư, thiết bị nhập khẩu (nếu có): Trường hợp sử dụng hạn ngạch của Vietsovpetro Lô 09-1, giá dự thầu đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) phát sinh tại Việt Nam và được xét miễn thuế nhập khẩu / Thuế tạm nhập tái xuất và VAT chỉ áp dụng cho giá trị hàng hóa nhập khẩu trên tờ khai hải quan sử dụng Danh mục hàng hóa được miễn thuế dành cho Vietsovpetro Lô 09-1).

Bước 2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));

Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));

³ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ Khoản 4.2. Phương pháp giá đánh giá và Khoản 4.3. Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá.

⁴ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ Khoản 4.1. Phương pháp giá thấp nhất và Khoản 4.2. Phương pháp giá đánh giá.

Bước 4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5. Xác định giá đánh giá:

Việc xác định giá đánh giá được thực hiện theo công thức sau đây:

$$G_{DG} = G \pm \Delta_G$$

Trong đó:

- G là giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);
- Δ_G là giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng, bao gồm :
 - + Chi phí lãi vay (nếu có);
 - + Chất lượng dịch vụ;
 - + Đấu thầu bền vững (nếu có);
 - + Kết quả thực hiện hợp đồng trước đó của nhà thầu;
 - + Các yếu tố khác (nếu có).

Bước 6. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá đánh giá thấp nhất sau khi tính ưu đãi được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện HSDT đáp ứng căn bản HSMT, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc

sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phân chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phân chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong HSDT của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSDT của nhà thầu này; trường hợp HSDT của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có): Không áp dụng

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSDT sẽ được đánh giá như sau: _____ [ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với phương án kỹ thuật thay thế].

Mục 6: Quyền đơn phương chấm dứt đàm phán hợp đồng với nhà thầu xếp hạng nhất, trong giai đoạn đàm phán hợp đồng.

Đối với đề xuất hàng hóa, dịch vụ có xuất xứ từ các nước bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang, trong tình trạng chiến tranh, bị trừng phạt hoặc cấm vận và việc nhập khẩu những hàng hóa, dịch vụ đó có thể bị gián đoạn và ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng và tiến độ giao hàng, nhà thầu được yêu cầu giải trình và cam kết về khả năng giao hàng để Vietsovpetro xem xét, đánh giá.

Căn cứ vào tình hình thực tế tại thời điểm đó, Vietsovpetro sẽ có toàn quyền xem xét và quyết định từ chối các đề xuất của nhà thầu về hàng hóa, dịch vụ đó, hoặc không tiếp tục đánh giá, nếu Vietsovpetro cho rằng việc thực hiện hợp đồng và lịch trình giao hàng có rủi ro. Trong trường hợp đó, Vietsovpetro có toàn quyền quyết định ngừng đàm phán hợp đồng, và mời nhà thầu có thứ hạng tiếp theo liên kế vào đàm phán hợp đồng.

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01 Phạm vi cung cấp	Scan đính kèm lên Hệ thống (Riêng Mẫu số 2 – Đơn dự thầu: webform và scan đính kèm)	X	
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu			X
3	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
4	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập</i>)	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
5	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh</i>)			X
6	Mẫu số 04C. Bảo lãnh dự thầu (<i>áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro</i>)			X
7	Mẫu số 05. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện	Scan đính kèm lên Hệ thống		X
8	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
9	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
10	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X
11	Mẫu số 06D. Bảng kê khai thiết bị chủ yếu			X
12	Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu			X
13	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
14	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
15	Mẫu số 09B. Danh sách công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc gói thầu			X
16	Mẫu số 10. Bảng tiến độ thực hiện			X
17	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ thực hiện (<i>áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm</i>)			X
18	Mẫu số 11. Bảng giá dự thầu		X	

PHẠM VI CUNG CẤP

(Chi tiết theo Phụ lục 1 - Bảng khối lượng mời thầu tại Phần IV)

ST T	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ ^(*)	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

Ghi chú:

(1), (2), (3), (4): Chi tiết theo Phụ lục 1 - Bảng khối lượng mời thầu tại Phần IV của E-HSMT để nhà thầu làm cơ sở chào giá dự thầu.

(*) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V (nếu có).



Mẫu số 02 (Webform trên Hệ thống và Scan đính kèm theo E-HSDT)

ĐƠN DỰ THẦU ⁽¹⁾

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Tên gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*], Mã số thuế _____, cam kết thực hiện gói thầu _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cùng với các bảng giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là _____ [*Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ [*Hệ thống tự động tính*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDT: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Bảo đảm dự thầu: _____ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾: _____ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh);

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;

3. Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này;

7. Những thông tin kê khai trong E-HSDT là trung thực;

8. Trường hợp trúng thầu, E-HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết;

9. Nếu E-HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38.1 E-CDNT của E-HSMT;

10. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu⁽³⁾;

11. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu

nhỏ hơn 20 triệu đồng, không nộp tiền mặt, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư.

Ghi chú:

- (1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.
- (2) Trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 20 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này;
- (3) Đối với gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh.



THỎA THUẬN LIÊN DANH

Ngày: _____

Gói thầu: _____

Thuộc dự án/ dự toán mua sắm: _____

Căn cứ⁽¹⁾ _____

Căn cứ⁽¹⁾ _____

Căn cứ E-HSMT Gói thầu: _____ với số E-TBMT: _____

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ n: _____

Mã số thuế: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ thuộc dự án/ dự toán mua sắm _____

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;



- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ thuộc dự án/ dự toán mua sắm ____ đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[*-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu và văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;*

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng cho cả liên danh trong trường hợp liên danh trúng thầu;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Thực hiện tất cả các nghĩa vụ của liên danh không được nêu trong Bảng phân công trách nhiệm giữa các thành viên liên danh ở mục 3 dưới đây;

- Thực hiện các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽³⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu	Giá trị theo tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- Công việc 1: _____ - Công việc 2: _____ - Công việc 3: _____	_____ %	_____ VNĐ
2	Tên thành viên thứ 2	- Công việc 1: _____ - Công việc 2: _____ - Công việc 3 _____	_____ %	_____ VNĐ
....		
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%	_____ VNĐ

3. Phương thức thanh toán cho liên danh trong trường hợp trúng thầu và ký hợp đồng với chủ đầu tư như sau:

- Chủ đầu tư sẽ thanh toán trực tiếp cho từng thành viên liên danh theo tiến độ thanh toán được quy định trong hợp đồng với giá trị được phân chia tương ứng với tỷ lệ khối lượng công

việc đã được các thành viên liên danh thống nhất và nêu trong cột (4) Bảng phân công trách nhiệm ở mục 2 của thỏa thuận liên danh này.

- Từng thành viên của Liên danh sẽ phát hành Hóa đơn hợp pháp đúng với phần giá trị công việc đã được thành viên liên danh đó thực hiện theo tiến độ từng đợt thanh toán được qui định trong hợp đồng.

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Trong trường hợp liên danh trúng thầu, Thỏa thuận liên danh này là một phần không tách rời của hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư và chỉ chấm dứt hiệu lực khi các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và thanh lý xong hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu _____ thuộc dự án/ dự toán mua sắm _____ theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu] ⁽⁴⁾

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu] ⁽⁴⁾

Ghi chú:

(1) Nhà thầu cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 11 Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

(4) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký thỏa thuận liên danh thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng: ___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, **cam kết⁽⁴⁾ không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán** cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] **trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày** nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây, **trong đó nêu rõ mà không cần chứng minh:**

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSĐT, nhà thầu có văn bản rút E-HSĐT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSĐT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Mục 4 E-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33 E-CDNT.

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, **hoặc Nhà thầu tiến hành thương thảo hợp đồng nhưng rút lại các cam kết trong E-HSĐT dẫn đến việc thương thảo hợp đồng không thành công**, hoặc đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng từ chối ký kết biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, kể cả trong trường hợp thương thảo qua mạng; trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi Bên bảo lãnh cho Bên thụ hưởng cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của Bên yêu cầu bảo lãnh hoặc của Bên bảo lãnh hoặc của bất kỳ bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa Bên yêu cầu bảo lãnh và Bên thụ hưởng về hoặc liên quan tới Gói thầu hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT.

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

Bên thụ hưởng: ___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc ghi tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng ___ [ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, **cam kết⁽⁴⁾ không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán** cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] **trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày** nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây, **trong đó nêu rõ mà không cần chứng minh:**

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT, nhà thầu có văn bản rút E-HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSDT theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Mục 4 E-CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ Mục 33 E-CDNT.

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 38 E-CDNT;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, **hoặc Nhà thầu tiến hành thương thảo hợp đồng nhưng rút lại các cam kết trong E-HSDT dẫn đến việc thương thảo hợp đồng không thành công**, hoặc đã đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng từ chối ký kết biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng, kể cả trong trường hợp thương thảo qua mạng; trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

7. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ___ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy

định tại E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi Bên bảo lãnh cho Bên thụ hưởng cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của Bên yêu cầu bảo lãnh hoặc của Bên bảo lãnh hoặc của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa Bên yêu cầu bảo lãnh và Bên thụ hưởng về hoặc liên quan tới Gói thầu hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại E-CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT.

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là có điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi không hợp lệ.

BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾

(áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro)

Ngày: (Ngày ký hồ sơ mời thầu)
Tên gói thầu:..... (Tên gói thầu theo hồ sơ mời thầu)
Tên dự án: (Tên dự án)
Hồ sơ mời thầu số: VT/DV-.....
Kính gửi: _____ (tên đầy đủ và địa chỉ của người đại diện)

Căn cứ vào gói thầu nêu trên, chúng tôi [ghi tên nhà thầu] xin xác nhận như sau:

1. Thay vì nộp Bảo đảm dự thầu do ngân hàng phát hành, [điền tên nhà thầu] thực hiện bảo đảm dự thầu cho [tên gói thầu] bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Vietsovpetro một khoản tiền đặt cọc tương đương với số tiền Bảo đảm dự thầu. được chỉ định trong E-HSMT, là [chỉ định bằng số, bằng chữ và loại tiền gửi]
2. Nhà thầu xác nhận rằng Nhà thầu sẽ tuân thủ tất cả các điều kiện theo quy định tại mẫu Bảo đảm dự thầu của E-HSMT. (Trường hợp Nhà thầu xác nhận không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo mẫu Bảo đảm dự thầu trong HSMT thì hồ sơ dự thầu của Nhà thầu sẽ không được đánh giá)
3. Sau [điền thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu] ngày kể từ ngày đóng thầu....., Vietsovpetro sẽ chuyển số tiền đặt cọc trên vào tài khoản của [điền tên nhà thầu]. [điền tên nhà thầu] sẽ chịu trách nhiệm thanh toán mọi khoản phí ngân hàng liên quan đến việc chuyển nhượng này.

4. Tài khoản ngân hàng của Vietsovpetro:

Tên người thụ hưởng: Liên Doanh Việt – Nga Vietsovpetro

Ngân hàng thụ hưởng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu

Số tài khoản: 008.100.00000.11 (VNĐ)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong E-HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Nhà thầu đính kèm Ủy nhiệm chi hoặc văn bản chứng minh đã chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro kèm theo thư này.

Mẫu số 05 (Scan đính kèm trên Hệ thống)

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Đối với mỗi hợp đồng tương tự nhà thầu phải kê khai thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng	[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND	
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phân công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	[ghi tóm tắt phân công việc đảm nhận trong liên danh]	[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]		
Tên Chủ đầu tư:	[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]		
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]		
E-mail:	[ghi địa chỉ e-mail]		
Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III⁽²⁾			
1. Loại dịch vụ	[ghi thông tin phù hợp]		
2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện	[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]		
3. Quy mô thực hiện	[ghi quy mô theo hợp đồng]		
4. Các đặc tính khác	[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động.

Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSĐT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[Nhà thầu điền đầy đủ thông tin nhân sự chủ chốt, lý lịch, kinh nghiệm chuyên môn của nhân sự trong E-HSĐT]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2		
...		



BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan) trong quá trình đối chiếu tài liệu.



BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]
2				
...	...			



BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ CHỦ YẾU

Nhà thầu phải kê khai những thiết bị chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, bên mời thầu cho phép nhà thầu làm rõ, thay đổi, bổ sung thiết bị để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Đối với mỗi thiết bị không đáp ứng, nhà thầu chỉ được thay thế một lần. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị chủ yếu không trung thực thì nhà thầu không được thay thế thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định.

Loại thiết bị		
Thông tin thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)
	Công suất (*)	Năm sản xuất (*)
	Tính năng	Xuất xứ Số đăng ký/đăng kiểm (nếu có)
Hiện trạng	Địa điểm hiện tại của thiết bị	
	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	
Nguồn	Nêu rõ nguồn thiết bị o Sở hữu của nhà thầu o Đi thuê o Cho thuê o Chế tạo đặc biệt	

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu	Tên chủ sở hữu	
	Địa chỉ chủ sở hữu	
	Số điện thoại	Tên và chức danh
	Số fax	Telex
Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án		



HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu theo quy định khoản 2.1 Mục 2 Chương III			
<input type="checkbox"/> Không có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III. <input type="checkbox"/> Có hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp dịch vụ phi tư vấn không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ. Trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là có hành vi gian lận và E-HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (nhà thầu điền nội dung này)			
Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT (nhà thầu điền nội dung này)			
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)⁽²⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = Tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm. Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như liên kết công ty mẹ - công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.



PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT.



**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾
1			
2			
...			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại Mẫu này. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.



BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (7): Nhà thầu lập theo Danh mục dịch vụ do Bên mời thầu cung cấp.
- Cột (8): Nhà thầu điền



Mẫu số 10A (Scan đính kèm trên Hệ thống)

BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN
(áp dụng đối với loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm)

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Giá trị công trình xây dựng/hạng mục công trình	Thời gian bảo hiểm	Thời gian bảo hiểm do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5): Nhà thầu lập theo Danh mục dịch vụ do Bên mời thầu cung cấp.
- Cột (6): Nhà thầu điền



BẢNG GIÁ DỰ THẦU

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1						
2						
...						
Tổng cộng: (Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)))						

Ghi chú:

- Các cột từ (1) đến (5): Nhà thầu lập theo Phụ lục 1 - Bảng khối lượng mời thầu tại Phần IV.

- Cột (6): Nhà thầu điền đơn giá cho tất cả các hạng mục công việc. Đơn giá nhà thầu chào bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí, chi phí dự phòng (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

- Cột (7): Nhà thầu tính toán.



Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

(Xem tài liệu đính kèm tại Phần 4. Các phụ lục)



Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Cung cấp dịch vụ “Bảo trì các căn hộ theo kế hoạch tháng, quý, năm 2025-2026 Tiểu khu 1” – Đơn hàng DV-3458/25-DSNO

Số: _____/25/T-N5/DSNO1-_____

Căn cứ nhu cầu của Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro (Vietsovpetro) và khả năng cung cấp của Công ty

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm 2025, các Bên gồm:

BÊN A: LIÊN DOANH VIỆT –NGA VIETSOVPETRO

Địa chỉ: 105, Lê Lợi, phường Vũng Tàu, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0254 3839871; Fax: 0254 3839857

Tài khoản: 0081000000011 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh Vũng Tàu.

Mã số thuế: 3500102414

Do Ông: **Trần Quốc Thắng - Phó Tổng Giám đốc làm đại diện**

(Theo Giấy ủy quyền № 77/UQ-PL ngày 18.03.2025)

BÊN B: CÔNG TY

Địa chỉ:

Điện thoại: ; Fax:

Email:

Tài khoản số:

Mã số thuế:

Do Bà:

Hai Bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện dịch vụ “Bảo trì các căn hộ theo kế hoạch tháng, quý, năm 2025-2026 Tiểu khu 1” (gọi tắt là dịch vụ) cho Bên A



năm/12 tháng) theo quy định tại Điều 2.1 của hợp đồng này. Trong trường hợp có sự thay đổi về công việc phát sinh (ngoài phạm vi quy định “*những mục không có đơn giá có trong hợp đồng này*”) do yêu cầu của Bên A hoặc đề xuất của Bên B và được Bên A chấp thuận bằng văn bản thì Bên A mới xem xét việc điều chỉnh giá trị hợp đồng. Trong trường hợp này, hai Bên sẽ tiến hành đàm phán thống nhất nội dung công việc và đơn giá, giá trị công việc phát sinh.

ĐIỀU 3: YÊU CẦU VỀ TIÊU CHUẨN ĐỂ ĐẢM NHIỆM DỊCH VỤ, CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B:

3.1. Tiêu chuẩn để đảm nhiệm dịch vụ: Bên B phải đảm bảo:

- Phải có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề xây dựng;
- Bố trí đủ nhân lực, có trình độ để đáp ứng các yêu cầu dịch vụ của Vietsovpetro. Có đội ngũ CBCNV chuyên nghiệp, có sức khỏe, tay nghề, kỷ luật lao động, kinh nghiệm làm việc trong công tác bảo trì ở các khu tập thể, nhất là đối với các dãy nhà cao tầng, có chứng chỉ an toàn lao động tùy theo từng ngành nghề và từng công việc;
- Người làm công tác dịch vụ phải có hợp đồng lao động, được đóng các chế độ bảo hiểm theo quy định của Nhà nước;
- Có trang bị, máy móc, công cụ, thiết bị vận chuyển vật tư, trang thiết bị phục vụ cho công tác sửa chữa, bảo trì trong các dãy nhà chung cư.

3.2. Trách nhiệm của Bên B:

- Phối hợp với Cán bộ phụ trách An toàn của Vietsovpetro để tổ chức học An toàn cho CBCNV Bên B trước khi thi công;
- Chuẩn bị và cung cấp các hồ sơ an toàn (người chịu trách nhiệm an toàn của Bên B, danh sách công nhân, thiết bị, vật tư chính sẽ sử dụng, thẻ an toàn do Trung tâm An toàn Bên A cấp,...) cho Vietsovpetro trước khi tiến hành bàn giao mặt bằng thi công;
- Phối hợp với các cán bộ có thẩm quyền của Vietsovpetro khảo sát, lập khối lượng công việc cần sửa chữa, bảo trì trong thời gian hàng tháng, nhiều tháng hoặc hàng quý 01 lần để trình lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt trước khi thực hiện;
- Phối hợp với cán bộ có thẩm quyền của Vietsovpetro nghiệm thu vật liệu, nghiệm thu công việc để chuyển giao đoạn thi công, xác nhận khối lượng công việc hoàn thành và lập biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc sửa chữa, bảo trì để đưa vào sử dụng;
- Thực hiện dịch vụ theo đúng phạm vi công việc trong Bảng khối lượng công việc tại Điều 2.1 và Phụ lục 1 đính kèm hợp đồng này;
- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm về dịch vụ bảo trì do Nhà nước quy định.
- Bên B đảm bảo đầy đủ trang thiết bị lao động phù hợp cho nhân viên khi tiến hành công việc và tuân thủ nội quy, quy định của Bên A.
- Bên B có trách nhiệm về an toàn cho nhân viên thực hiện dịch vụ và mua bảo hiểm cần thiết về người và tài sản của mình có liên quan đến hợp đồng này trong thời gian hiệu lực của hợp đồng theo qui định của Nhà nước và Pháp luật Việt Nam. Đền bù mọi thiệt hại về người và tài sản của Bên A do sự bất cẩn hoặc được xác nhận là do lỗi của Bên B gây ra trong quá trình thực hiện dịch vụ. Đồng thời, miễn trách nhiệm hoàn toàn cho

Bên A đối với những ốm đau, thương tật, tử vong (nếu có xảy ra) cho nhân sự của Bên B trong thời gian thực hiện hợp đồng này, mà nguyên nhân vượt quá sự kiểm soát hoặc không thuộc trách nhiệm của Bên A.

- Bên B phải thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ được Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro quy định tại Quy chế số VSP-000-ATMT-448 về “Quản lý an toàn – Sức khỏe – Môi trường đối với các nhà thầu làm việc trên các công trình của Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro”.
- Bên B phải thực hiện công việc theo hướng dẫn của “Mục 2 – Bảo trì căn hộ và các dãy nhà”, Quy định số VSP-000-DSNO-062 “Về bảo trì các công trình công cộng, căn hộ và dãy nhà trong Tiểu khu 1, 2 và Mai Anh” do Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro ban hành.
- Trong quá trình thực hiện dịch vụ, Bên B có trách nhiệm đền bù mọi chi phí, tổn thất và chịu trách nhiệm trước Pháp luật Việt Nam nếu để xảy ra sự cố cho con người và tài sản của Bên A hoặc các Bên có liên quan.
- Bên B chịu trách nhiệm và miễn trách cho Bên A đối với tất cả các khiếu nại, tổn thất, thiệt hại, chi phí (bao gồm cả chi phí pháp lý) và trách nhiệm liên quan đến:
 - Tổn thất hoặc thiệt hại đối với tài sản thuộc sở hữu, được thuê hoặc do Bên B cung cấp liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.
 - Thương tật kể cả ốm đau hoặc chết đối với các nhân viên của Bên B phát sinh từ hoặc liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.
 - Tổn thất về người (kể cả ốm đau hoặc chết) hoặc tổn thất, thiệt hại đối với tài sản của Bên thứ ba do lỗi hoặc vi phạm trách nhiệm của Bên B (Bên thứ ba theo khoản này là Bên không thuộc Bên A cũng không thuộc Bên B).

3.3. Danh mục thiết bị và vật tư cần thiết cho dịch vụ:

- Theo yêu cầu tại Bảng khối lượng công việc Điều 2.1 và Phụ lục 1 đính kèm hợp đồng này;
- Trên cơ sở Bảng khối lượng công việc trên, nhà thầu cung cấp danh mục thiết bị, vật tư chi tiết để thực hiện dịch vụ và thời hạn sử dụng của các trang bị trên;

3.4. Các yêu cầu sau khi hoàn thành dịch vụ: Sau khi hoàn thành công việc, hàng Quý (03 tháng/lần) cán bộ có thẩm quyền của Vietsovpetro làm việc cùng Bên B, chủ căn hộ (nếu có) lập biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc (theo mẫu là Phụ lục số 2 của hợp đồng này), ghi rõ khối lượng, chất lượng công việc thực hiện ký giữa đại diện hai Bên, sau đó trình Lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt làm cơ sở thanh toán cho Bên B.

ĐIỀU 4: THỜI HẠN THỰC HIỆN CỦA HỢP ĐỒNG VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO HÀNH:

- Thời gian thực hiện dịch vụ (theo khối lượng công việc và giá trị ghi tại Điều 2 của hợp đồng này): 01 năm (12 tháng) kể từ ngày bàn giao mặt bằng thi công.
- Bảo hành: Thời gian bảo hành các hạng mục duy tu, sửa chữa là 12 tháng tính từ ngày hai Bên ký Biên bản nghiệm thu, xác nhận hoàn thành dịch vụ.

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

- Tạo điều kiện cho người và phương tiện của Bên B vào làm việc, bố trí mặt bằng chứa vật tư thiết bị để Bên B hoàn thành dịch vụ;
- Trên cơ sở:
 - Kết quả kiểm tra thường xuyên, định kỳ, đột xuất căn hộ/dãy nhà của Ban DSNO-VPLV hoặc phản ánh của người thuê căn hộ;
 - Yêu cầu sửa chữa định kỳ: Sửa chữa những hư hỏng hoặc thay thế bộ phận căn hộ/dãy nhà, thiết bị lắp đặt vào căn hộ/ dãy nhà bị hư hỏng được thực hiện định kỳ;
 - Yêu cầu sửa chữa những hư hỏng trong căn hộ/dãy nhà có nguy cơ làm ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, an toàn vận hành của căn hộ/dãy nhà.
- Nhóm giám sát Vietsovpetro cùng với Bên B tổ chức khảo sát, lập khối lượng công việc, thỏa thuận lãnh đạo Phòng Xây dựng Cơ bản (P.XDCB), Ban Đời sống Nhà ở - Văn phòng làm việc (Ban DSNO-VPLV) và trình lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt trước khi thực hiện. Mỗi đợt thực hiện trong thời gian hàng tháng, nhiều tháng hoặc hàng quý 01 lần;
- Cử người theo dõi, giám sát chặt chẽ việc thực hiện dịch vụ của Bên A, đảm bảo về số lượng, chất lượng, xuất xứ, chủng loại vật tư, thiết bị, công việc,... theo đúng Bảng giá đề xuất, bảng danh mục vật tư thiết bị được lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt;
- Nghiệm thu vật liệu, nghiệm thu công việc để chuyển giao đoạn thi công cho Bên B;
- Xác nhận khối lượng công việc hoàn thành cho từng lần sửa chữa nhỏ và cùng Bên B, chủ căn hộ (nếu có) ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc để đưa vào sử dụng (theo mẫu là Phụ lục số 3 hợp đồng này).
- Ký xác nhận về nghiệm thu chất lượng và khối lượng công việc/hàng hóa sau khi hoàn thành dịch vụ theo mẫu là Phụ lục số 2 của hợp đồng này (Bên A ủy quyền việc giám sát, theo dõi thực hiện hợp đồng này và ký Biên bản nghiệm thu, xác nhận hoàn thành công việc (theo từng quý) cho lãnh đạo Ban DSNO-VPLV và lãnh đạo P.XDCB). Biên bản này sau đó được trình lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt để làm cơ sở thanh toán cho Bên B.
- Thực hiện công việc theo hướng dẫn của “Mục 2 – Bảo trì căn hộ và các dãy nhà”, Quy định số VSP-000-DSNO-062 “Về bảo trì các công trình công cộng, căn hộ và dãy nhà trong Tiểu khu 1, 2 và Mai Anh” do Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro ban hành.
- Thanh toán cho Bên B theo quy định tại Điều 6 của hợp đồng này.

ĐIỀU 6: HÌNH THỨC HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- 6.1. Hình thức Hợp đồng: Hợp đồng đơn giá cố định với giá trị tạm tính tương ứng theo bảng Khối lượng công việc (ghi ở Điều 2.1 và Phụ lục 1 đính kèm), và đơn giá cố định trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.
- 6.2. Cơ sở chứng từ thanh toán: Hàng Quý (03 tháng/01 lần) Bên A căn cứ vào các Biên bản nghiệm thu, xác nhận hoàn thành công việc (ghi tại Điều 3.4 hợp đồng này) do đại diện có thẩm quyền của Ban DSNO-VPLV và P.XDCB Bên A ký xác nhận, trình lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt làm cơ sở thanh toán. Bên A chỉ thanh toán tổng giá trị của 4 quý không vượt quá tổng giá trị tạm tính quy định tại Điều 2.1 của hợp đồng này.

- 6.3. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B bằng chuyển khoản qua ngân hàng theo từng Quý (03 tháng/01 lần, 04 lần/năm/12 tháng), trong vòng 30 ngày làm việc kể từ nhận được các văn bản, chứng từ sau:
- Giấy đề nghị thanh toán của Bên B;
 - Hóa đơn thuế GTGT hợp pháp;
 - Bảng giá trị quyết toán các công việc thực hiện trong kỳ thanh toán, có liệt kê chi tiết danh mục công việc, vật tư, hàng hóa (bản gốc);
 - Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc (theo từng Quý) để đưa vào sử dụng do đại diện có thẩm quyền của 02 Bên ký và lãnh đạo Vietsovpetro phê duyệt (bản gốc);
 - Bảng xác nhận khối lượng công việc hoàn thành theo từng Quý (bản gốc);
 - Hợp đồng đã được ký kết (bản gốc) cho thanh toán lần đầu;
 - Giấy bảo đảm thực hiện hợp đồng (bản copy) cho thanh toán lần đầu;
 - Giấy cam kết bảo hành công việc yêu cầu được quyết toán (bản gốc), Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc và Biên bản quyết toán công trình có liệt kê chi tiết danh mục công việc, vật tư, hàng hóa (trong biên bản quyết toán cũng thể hiện tất cả các đợt thanh toán và số quyết toán hợp đồng), cho thanh toán lần thứ 04/năm/12 tháng.
- 6.4. Bên A chỉ thanh toán cho Bên B đối với dịch vụ hoàn toàn phù hợp với yêu cầu nêu trong hợp đồng.
- 6.5. Số tài khoản giao dịch theo hợp đồng này của Bên B:
- Số tài khoản:
 - Người thụ hưởng:
- 6.6. Trong trường hợp có sự sai sót, mâu thuẫn hoặc khiếm khuyết trong các văn bản hồ sơ chứng từ, Bên A sẽ thông báo cho Bên B trong vòng 10 ngày kể từ khi Bên A nhận được bộ hồ sơ chứng từ thanh toán. Bên B trong vòng 15 ngày phải hiệu chỉnh, sửa đổi lại cho phù hợp và thời gian thanh toán đương nhiên kéo dài thêm tương ứng.
- 6.7. Thanh toán bằng tiền đồng Việt Nam (VNĐ). Phí chuyển tiền do Bên A chịu.

ĐIỀU 7: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- 7.1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng (theo mẫu là Phụ lục số 4 kèm theo hợp đồng) là**đồng là 15 tháng** kể từ ngày ký hợp đồng), tương đương 8% (tám phần trăm) giá trị hợp đồng, chưa có thuế GTGT.
- 7.2. Thời hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Đến ngày Bên B hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, theo thời hạn thực hiện quy định tại Điều 4 hợp đồng này, cộng thêm 3 tháng lịch.
- 7.3. Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 07 ngày làm việc sau ngày ký của hợp đồng này Bên B phải nộp Bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A. Trong thời gian quy định nêu trên, Bên B phải nộp bản gốc bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A. Nếu Bên A không nhận được Bảo lãnh có hiệu lực trong vòng 07 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, Bên A có quyền hủy bỏ hợp đồng vào bất cứ lúc nào và rút Bảo đảm dự thầu

hoặc áp dụng chế tài phạt vi phạm mà không cần có sự can thiệp của Tòa án hoặc Trọng tài.

- 7.4. Bên B không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực.
- 7.5. Trong trường hợp Bên B vi phạm trách nhiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại hợp đồng này thì khoản tiền bảo đảm được Bên A dùng để khấu trừ tiền phạt.
- 7.6. Bên B phải ngay lập tức yêu cầu Ngân hàng phát hành giấy Bảo đảm thực hiện Hợp đồng thực hiện sửa đổi giấy Bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong trường hợp cần gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo đảm này vì lý do chậm thực hiện hoặc gia hạn thời hạn thực hiện, đồng thời gửi ngay cho Bên A giấy Bảo đảm đã gia hạn hiệu lực.

ĐIỀU 8: PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- 8.1. Trên cơ sở biên bản bàn giao mặt bằng và khối lượng công việc hàng tháng hoặc hàng Quý (03 tháng) bên B có 30 ngày để hoàn thành khối lượng công việc hàng tháng hoặc 90 ngày để hoàn thành khối lượng công việc hàng quý kể từ ngày ký biên bản bàn giao, nếu Bên B thực hiện dịch vụ chậm trễ, không đảm bảo chất lượng, không đạt yêu cầu như các quy định về trách nhiệm của Bên B tại hợp đồng, thì Bên A có quyền từ chối không nhận kết quả công việc và phạt Bên B theo mức:
 - 0,2% giá trị dịch vụ cho mỗi ngày chậm trễ (tính trên giá trị của khối theo tháng/ theo quý tùy theo được bên A bàn giao cho bên B).
 - Tổng số tiền phạt không vượt quá 8% giá trị dịch vụ trong tháng hoặc Quý được giao đó.
 - Trong trường hợp chậm trễ do lỗi của Bên A (nếu có) thì hợp đồng đương nhiên được kéo dài bằng chính thời hạn đó.
- 8.2. Bên B phải chịu phạt 8%/giá trị hợp đồng trong các trường hợp:
 - Bên B hủy hợp đồng sau khi hợp đồng đã được hai bên ký kết, trừ trường hợp bất khả kháng được quy định tại Điều 9 của hợp đồng này.
 - Nếu công việc thực hiện dịch vụ bị muộn hơn hai tháng so với thời gian qui định tại Điều 4 của hợp đồng này, loại trừ các trường hợp bất khả kháng. Trong trường hợp này, ngoài việc phạt vi phạm, Bên A có quyền hủy hợp đồng này vào bất cứ lúc nào mà không cần phải đưa vụ việc ra Tòa án hoặc Trọng tài.
- 8.3. Giá trị hợp đồng bị vi phạm ghi ở Điều 8 của hợp đồng này là giá trị không có thuế GTGT.
- 8.4. Để thu hồi khoản tiền phạt vi phạm, Bên A sẽ toàn quyền: 1) khấu trừ khoản tiền phạt vi phạm từ các khoản tiền mà Bên A sẽ thanh toán cho Bên B tại Hợp đồng này hoặc theo các hợp đồng khác được ký kết giữa hai bên; 2) Yêu cầu Ngân hàng cấp Bảo đảm thực hiện hợp đồng thanh toán ngay khoản tiền Bên B mở bảo lãnh cho Bên A; 3) Bằng văn bản, yêu cầu Bên B thanh toán. Trong mọi trường hợp, Bên B cam kết nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình cho Bên A.
- 8.5. Việc bồi thường thiệt hại (nếu có) được thực hiện theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

- 8.6 Trường hợp Bên B vi phạm cung ứng dịch vụ không đúng hợp đồng thì Bên B phải có biện pháp để cung ứng dịch vụ cho Bên A theo đúng thoả thuận trong hợp đồng. Trường hợp Bên B cung ứng dịch vụ kém chất lượng thì phải có biện pháp loại trừ thiếu sót của dịch vụ hoặc cung ứng dịch vụ theo đúng hợp đồng trong thời hạn đã thoả thuận. Bên B không được dùng tiền hoặc loại dịch vụ khác để thay thế nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A.
- 8.7 Trong trường hợp Bên B không thực hiện theo quy định tại khoản 8.6 Điều này thì Bên A có quyền:
- Chỉ định Bên thứ 3 có khả năng cung cấp dịch vụ đúng theo quy định hợp đồng để Bên B ký hợp đồng cung ứng dịch vụ cung cấp lại cho Bên A. Hoặc:
 - Trực tiếp ký hợp đồng thuê dịch vụ của Bên thứ 3 để thay thế theo đúng loại dịch vụ ghi trong hợp đồng và Bên B phải trả khoản tiền chênh lệch cùng các chi phí liên quan (nếu có). Hoặc: Tự sửa chữa thiếu sót của dịch vụ bằng nhân lực, chi phí của mình và Bên B phải trả Bên A đầy đủ các chi phí thực tế phát sinh này.

ĐIỀU 9: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

- 9.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép như: chiến tranh, bạo loạn, xung đột vũ trang, cấm vận, thiên tai (lũ lụt, bão, lốc xoáy, động đất, sóng thần), hỏa hoạn, dịch bệnh (Epidemic, Pandemic) được WHO/Quốc gia công bố, lệnh phong tỏa Vùng/Quốc gia do Chính quyền sở tại áp đặt...
- 9.2. Bên gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến việc không thực hiện được nghĩa vụ theo hợp đồng do ảnh hưởng trực tiếp bởi các sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải ngay lập tức thông báo cho bên kia biết, bao gồm cung cấp thông tin, giải trình về sự ảnh hưởng trực tiếp của sự kiện bất khả kháng đến việc vi phạm thực hiện hợp đồng kèm chứng cứ chứng minh, các biện pháp đã được thực hiện để khắc phục vấn đề và giảm thiểu tổn thất. Việc chậm thông báo, cung cấp thông tin và giải trình nếu trễ hơn 10 ngày lịch sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra sẽ làm cho bên gặp bất khả kháng mất quyền miễn trách sau này vì lý do bất khả kháng.
- 9.3. Văn bản xác nhận của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền ở nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng là bằng chứng đủ để chứng minh sự kiện và thời gian xảy ra bất khả kháng.
- 9.4. Trường hợp do hậu quả trực tiếp của sự kiện bất khả kháng mà một Bên trong Hợp Đồng không thể thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ theo hợp đồng này thì thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài thêm bằng thời gian mà sự kiện bất khả kháng diễn ra.
- 9.5. Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài hơn 02 tháng, mỗi bên đều có quyền chấm dứt hợp đồng này mà không phải bồi thường bất cứ một khoản tiền nào cho bên kia.
- 9.6. Các khó khăn trong sản xuất như thiếu vật tư, điện, nhân công, đình công... không được coi là bất khả kháng và không miễn cho Bên B nghĩa vụ giao hàng hoặc giao hàng muộn; Các thông tin từ trang báo, mạng và các phương tiện truyền thông khác chỉ mang tính chất tham khảo.

ĐIỀU 10: THỜI GIAN HIỆU LỰC, TẠM DỪNG/CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

- 10.1. Thời hạn thực hiện dịch vụ (theo bảng Khối lượng công việc của Đơn hàng DV-2234/23-DSNO) là 01 năm (12 tháng) kể từ ngày ký hợp đồng.
- 10.2. Bên A có thể chấm dứt một phần công việc hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B khi Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng. Bên A có quyền tạm đình chỉ hoặc đình chỉ hợp đồng trong trường hợp Bên B vi phạm về tiến độ, chất lượng, nhân sự... và các nghĩa vụ khác của Bên B theo quy định của Hợp đồng này.
- 10.3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng theo Khoản 2 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này.
- 10.4. Thông báo sửa chữa, bảo hành:
- Nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ sửa chữa, bảo hành theo Hợp đồng, Bên A có thể thông báo yêu cầu Bên B phải thực hiện và sửa chữa, bảo hành các sai sót, hư hỏng trong khoảng thời gian hợp lý và cụ thể.
 - Trong trường hợp Bên B không thực hiện các nghĩa vụ sửa chữa, bảo hành quy định theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng, Bên A có quyền tự thực hiện hoặc thuê Bên thứ ba thực hiện bằng chi phí của Bên B.
- 10.5. Tạm dừng thực hiện hợp đồng:
- Các trường hợp tạm dừng hợp đồng:
 - Do lỗi Bên A hoặc Bên B gây ra;
 - Các trường hợp bất khả kháng;
 - Các trường hợp khác do Hai Bên thỏa thuận.
 - Bên A có quyền quyết định tạm dừng Hợp đồng do lỗi của Bên B gây ra, nhưng phải thông báo cho Bên B biết bằng văn bản và cùng bàn bạc để giải quyết để thực hiện đúng Hợp đồng đã ký; trường hợp Bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho Bên bị thiệt hại.
 - Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng Hợp đồng do Hai Bên thỏa thuận để khắc phục.
- 10.6. Chấm dứt hợp đồng:
- Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng trong những trường hợp sau:
 - Phát hiện Bên B bán thầu;
 - Phát hiện Bên B có khả năng chậm tiến độ hoàn thành công việc so với tiến độ quy định tại Điều 4 mà lỗi do Bên B gây ra.
 - Bên A có quyền cắt một phần công việc khi phát hiện Bên B có khả năng chậm tiến độ phần công việc đó so với tiến độ quy định của hợp đồng do lỗi của Bên B. Bên A có quyền tự thực hiện hoặc thuê Bên thứ ba thực hiện bằng chi phí của Bên B đối với phần công việc này.
- 10.7. Hủy bỏ hợp đồng:
- Trừ các trường hợp miễn trách nhiệm quy định của hợp đồng, việc hủy bỏ hợp đồng được áp dụng trong các trường hợp sau:
 - Xảy ra hành vi vi phạm mà các Bên đã thỏa thuận là điều kiện để hủy bỏ hợp đồng;
 - Một Bên vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng.
 - Một Bên có quyền hủy bỏ Hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi Bên kia vi phạm hợp đồng. Bên vi phạm Hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.

- Bên hủy bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho Bên kia biết về việc hủy bỏ Hợp đồng; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho Bên kia, thì Bên hủy bỏ hợp đồng phải bồi thường.
- Khi hợp đồng bị hủy bỏ, thì Hợp đồng không có hiệu lực từ thời điểm bị hủy bỏ và các Bên phải hoàn trả cho nhau tài sản hoặc tiền trên cơ sở biên bản thanh lý Hợp đồng.

ĐIỀU 11: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 11.1. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng giữa hai Bên trên tinh thần hợp tác, hai Bên cùng có lợi và tôn trọng lẫn nhau.
- 11.2. Trường hợp tranh chấp không thể giải quyết bằng thương lượng thì, tùy thuộc thỏa thuận của hai Bên ký hợp đồng, sẽ được đưa ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Hà Nội để phân xử theo Quy tắc tố tụng của Trung tâm này. Phán quyết của Trung tâm Trọng tài là cuối cùng và buộc hai Bên phải tuân thủ. Án phí do Bên thua kiện chịu.
- 11.3. Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào đối với hợp đồng này đều phải được hai Bên thỏa thuận bằng văn bản. Mọi giao dịch trong quá trình thực hiện Hợp đồng được các Bên thực hiện bằng văn bản và gửi theo đường bưu chính hoặc theo số Fax tới địa chỉ đăng ký hoặc số Fax của mỗi Bên ghi trong hợp đồng, theo mẫu là Phụ lục số 5 kèm theo hợp đồng.
- 11.4. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký/ngày Ngân hàng Bên B mở bảo lãnh thực hiện Hợp đồng (ngày hiệu lực của bảo lãnh) và hoàn thành việc ký Hợp đồng nhưng không muộn hơn 07 ngày làm việc so với ngày được ghi trên Hợp đồng và tiếp tục cho đến khi hai Bên thực hiện hết trách nhiệm của mình như quy định trong hợp đồng.
- 11.5. Những gì không quy định trong hợp đồng này hai Bên sẽ tuân thủ theo Pháp luật của Nước CHXHCN Việt Nam
- 11.6. Hết thời hạn hiệu lực của hợp đồng, nếu hai Bên không có khiếu nại gì, coi như hợp đồng đã được thanh lý.
- 11.7. Các Phụ lục kèm theo hợp đồng này:
 - Phụ lục số 1 (gồm ___ trang): Phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật, bảng khối lượng công việc.
 - Phụ lục số 2 (gồm ___ trang): Mẫu Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc.
 - Phụ lục số 3 (gồm ___ trang): Mẫu Bảng xác nhận hoàn thành công việc.
 - Phụ lục số 4 (gồm ___ trang): Mẫu thư Bảo đảm thực hiện hợp đồng.
 - Phụ lục số 5 (gồm ___ trang): Mẫu thư tín giao dịch thực hiện hợp đồng.
- 11.8. Hợp đồng này (gồm ___ trang cùng các phụ lục đính kèm) có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết thời hạn quy định trong Bổ sung hợp đồng này và được lập thành 05 bản bằng tiếng Việt, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

Phụ lục 1 kèm theo hợp đồng

**PHẠM VI CÔNG VIỆC, YÊU CẦU KỸ THUẬT, BẢNG KHỐI
LƯỢNG CÔNG VIỆC**

*Dịch vụ “Bảo trì các căn hộ theo kế hoạch tháng, quý, năm 2025-2026 Tiểu khu 1”
(Đơn hàng DV-2234/23-DSNO)*



Phụ lục 2 kèm theo hợp đồng
MẪU – BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG VIỆC

“PHÊ DUYỆT”
PHÓ TGD VIETSOVPETRO

Ngày/...../.....

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH CÔNG VIỆC

Tháng/ Quý ... năm ...

Căn cứ hợp đồng số ... ngày ... giữa Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro và Công ty ... về việc ...

1. Hạng mục/Công việc: ...

2. Địa điểm: ...

3. Thành phần tham gia nghiệm thu:

a. Đại diện chủ đầu tư (Bên A): Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro

Ông/bà: ...

Chức vụ: Trưởng phòng XDCB

Ông/bà: ...

Chức vụ: Trưởng ban DSNO-VPLV

Ông/bà: ...

Chức vụ: ... - Trưởng nhóm giám sát

Ông/bà: ...

Chức vụ: ... - Thành viên nhóm giám sát

Ông/bà: ...

Chức vụ: ... - Thành viên nhóm giám sát.

b. Đại diện nhà thầu (Bên B): Công ty ...

Ông/bà: ...

Chức vụ: Giám đốc

Ông/bà: ...

Chức vụ: Chỉ huy trưởng/ người phụ trách thực hiện công việc.

4. Thời gian tiến hành nghiệm thu:

Thời gian bắt đầu nghiệm thu: ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ...

Thời gian kết thúc nghiệm thu: ... giờ ... ngày ... tháng ... năm ...

Tại: ...

5. Đánh giá hạng mục/ công việc đã thực hiện:

a) Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:

- Phiếu yêu cầu nghiệm của nhà thầu;
- Tiêu chuẩn, quy phạm được áp dụng: TCVN;
- Hồ sơ hoàn thành công việc: Các biên bản nghiệm thu vật liệu, thiết bị; nghiệm thu công việc và các tài liệu liên quan.



- b) Về công suất đưa vào vận hành:
Theo yêu cầu được phê duyệt : 100%
Theo thực tế đạt được: ...
- c) Về thời gian thi công:
Thời gian khởi công: ngày ...
Thời gian hoàn thành: ngày ...
- d) Khối lượng:
Bảng xác nhận khối lượng theo thực tế được Hai bên xác nhận đính kèm.
- e) Về giá trị hoàn thành công trình:
Giá trị cho khối lượng hoàn thành: ... **đồng.**
- f) Chất lượng hạng mục/ công việc đã thực hiện: *Đạt yêu cầu.*
- g) Những sửa đổi trong quá trình thực hiện so với yêu cầu được duyệt: *Không có.*
- h) Các ý kiến khác nếu có : *Không có.*

6. Kết luận:

- Chấp nhận nghiệm thu hoàn thành hạng mục/ công việc để đưa vào sử dụng.
- Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác (nếu có): ...

Biên bản này được lập thành 04 bản, Bên A giữ 03 bản, Bên B giữ 01 bản.

Các Bên tham gia nghiệm thu cùng ký xác nhận.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Ông/bà

Ông/bà

ĐẠI DIỆN BÊN B

Ông/bà

Ông/bà



Phụ lục số 3 kèm theo hợp đồng

MẪU – BẢNG XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

“PHÊ DUYỆT”
PHÓ TGD VIETSOVPETRO

Ngày/...../.....

BẢNG XÁC NHẬN
KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH
Tháng/ Quý ... năm ...

Hạng mục/ Công việc: ...

Căn cứ:

- Căn cứ hợp đồng số ... ngày ... giữa Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro và Công ty ... về việc ...
- Hồ sơ hoàn thành công việc và khối lượng thực hiện công việc thực tế của nhà thầu.
Hôm nay, ngày tháng ... năm ... tại ..., chúng tôi gồm:

Đại diện Bên A: Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro

Ông/bà: ...

Chức vụ: ... - Trưởng nhóm giám sát

Ông/bà: ...

Chức vụ: ... - Thành viên nhóm giám sát.

Đại diện Bên B: Công ty ...

Ông/bà: ...

Chức vụ: Giám đốc

Ông/bà: ...

Chức vụ: Chỉ huy trưởng/ người phụ trách thực hiện công việc.

Cùng nhau tiến hành kiểm tra và xác nhận khối lượng công việc hoàn thành do nhà thầu thực hiện, bao gồm:

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng theo hợp đồng	Khối lượng thực hiện	Ghi chú (nếu có)
-----	--------------------	-------------	--------------------------	----------------------	------------------

Các Bên tham gia kiểm tra cùng ký xác nhận:

ĐẠI DIỆN BÊN A

Ông/bà

Ông/bà

ĐẠI DIỆN BÊN B

Ông/bà

Ông/bà

THỎA THUẬN LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

P.XDCB:

BAN DSNO-VPLV:



Phụ lục 4 kèm theo hợp đồng
MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

....., ngày...tháng...năm...

THƯ BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Kính gửi:

Liên quan tới Hợp đồng _____ về việc _____ (sau đây được gọi là “Hợp đồng”) được ký giữa _____ (sau đây gọi là “BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH”) và _____ (sau đây gọi là “BÊN THỤ HƯỞNG”), chúng tôi, _____ có trụ sở chính tại _____ (sau đây gọi là “BÊN BẢO LÃNH”) phát hành Thư bảo lãnh không hủy ngang và vô điều kiện cho bên thụ hưởng với số tiền là _____ (Bằng chữ: _____) (sau đây gọi là “THƯ BẢO LÃNH”).

THƯ BẢO LÃNH này có hiệu lực kể từ ngày phát hành và sẽ duy trì hiệu lực cho đến _____ sau đây gọi là "Ngày hết hiệu lực". Đối với bất cứ sự gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng Hợp đồng vượt quá thời gian được quy định trong THƯ BẢO LÃNH này, BÊN THỤ HƯỞNG sẽ không cần phải thông báo hoặc được sự đồng thuận của BÊN BẢO LÃNH. THƯ BẢO LÃNH này sẽ được gia hạn dựa trên yêu cầu bằng văn bản từ BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH để đảm bảo cho thời gian gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng của Hợp đồng.

BÊN BẢO LÃNH cam kết không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán ngay cho BÊN THỤ HƯỞNG một khoản tiền hay những khoản tiền, theo chỉ thị của BÊN THỤ HƯỞNG, tổng không vượt quá số tiền bảo lãnh nêu trên trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của BÊN THỤ HƯỞNG ghi rõ BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH đã vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng.

Sau Ngày hết hiệu lực, THƯ BẢO LÃNH này sẽ tự động không còn giá trị cho dù bản gốc THƯ BẢO LÃNH và các Thư sửa đổi liên quan (nếu có) có được gửi trả lại BÊN BẢO LÃNH hay không.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi BÊN BẢO LÃNH cho BÊN THỤ HƯỞNG cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH hoặc của BÊN BẢO LÃNH hoặc của bất kỳ bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH và BÊN THỤ HƯỞNG về hoặc liên quan tới Hợp đồng hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

BÊN BẢO LÃNH hoặc BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH sẽ không được giải trừ bất cứ nghĩa vụ nào theo THƯ BẢO LÃNH này cho dù có bất cứ sự sửa đổi, thay đổi, thanh toán sai lệch, gia hạn nào liên quan tới Hợp đồng hay bất kỳ sự trì hoãn ân hạn nào của BÊN THỤ HƯỞNG trong hoặc liên quan đến bất cứ vấn đề gì của Hợp đồng.

Việc đòi tiền nhiều lần theo bảo lãnh này là được phép và theo đó, Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ tự động giảm tương ứng với số tiền mà Ngân hàng đã thực hiện thanh toán cho Bên thụ hưởng theo Thư bảo lãnh.

Thư bảo lãnh được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Thư bảo lãnh sẽ [do Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết theo quy định của pháp luật] / [sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam theo quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC].

THƯ BẢO LÃNH này được phát hành duy nhất 01 (một) bản và không được phép chuyển nhượng.

NGÂN HÀNG BẢO LÃNH
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục số 05 kèm theo hợp đồng

MẪU THƯ TÍN GIAO DỊCH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Ngày tháng năm 20..

Kính gửi: **Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro/Nhà thầu.**
(ghi địa chỉ số Fax của Bên giao dịch)

Người nhận: **Họ và Tên + Chức danh của Lãnh đạo VSP ký hợp đồng**

Sao gửi: **Lãnh đạo Phòng Thương mại VSP**

Email: (vspadmin@vietsov.com.vn; datnb.hq@vietsov.com.vn;
quynt.hq@vietsov.com.vn).

(Ghi nội dung giao dịch về Thay đổi về Hàng hoá/Dịch vụ, tiến độ, các nội dung liên quan tới giá trị HĐ, thanh toán.....) và tài liệu gửi đính kèm (nếu có).

ĐẠI DIỆN BÊN...
(Ký tên và đóng dấu)



Mẫu số 12. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng.

Kính gửi: [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]

Về việc: Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng

Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro xin thông báo LD Quý Công ty trúng thầu: ... - Gói thầu số ... , với các nội dung chính như sau:

- Phạm vi cung cấp: ...
- Giá giá trị trúng thầu: ...
- Thời gian thực hiện hợp đồng: ...

Để thực hiện các công việc tiếp theo, trong vòng 07 ngày làm việc sau ngày ký hợp đồng, Bên B phải nộp giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng được cấp bởi Ngân hàng có uy tín. Giá trị Bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng ...% tổng giá trị hợp đồng. Giấy bảo lãnh này có hiệu lực bằng thời hạn thực hiện hợp đồng cộng thêm 60 ngày lịch.

Nếu quá thời hạn theo yêu cầu mà Vietsovetro không nhận được Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định thì sẽ được hiểu Quý công ty từ chối hoàn thiện hợp đồng, không đáp ứng yêu cầu của Vietsovetro và sẽ bị loại, đồng thời Quý công ty sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Trong thời hạn **03** ngày làm việc kể từ ngày công văn này, đề nghị Quý công ty gửi công văn xác nhận về nội dung nêu trên.

Trân trọng!

Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC

Phụ lục 1:

Bảng khối lượng mời thầu.

Yêu cầu nhà thầu chào đúng, đủ và chính xác đơn vị tính theo Bảng khối lượng mời thầu.

Phụ lục 2:

Yêu cầu kỹ thuật

Phụ lục 3:

Bảng tiêu chí đánh giá về mặt kỹ thuật Hồ sơ dự thầu



d. Phần Cửa, tủ:

- Thay cửa chính, cửa thông phòng, cửa nhà tắm, cửa sổ (gồm khung bao và khoá);
- Thay tủ treo bếp trên và tủ hộc bếp dưới;
- Thay tủ nhựa khung nhựa (tủ quần áo);
- Thay tủ nhôm, khung nhôm bọc alu (tủ quần áo);
- Sơn bông gió cửa sổ...

e. Phần rèm cửa:

- May và treo rèm vải bố, vải tuyn cửa sổ.

Khối lượng công việc: Khối lượng công việc được thể hiện chi tiết tại ‘*Bảng khối lượng công việc*’ đính kèm.

Địa điểm xây dựng: Tiểu khu 1, khu nhà ở của CBCNV Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro - số 2 Pasteur, phường Tam Thắng, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Thời hạn hoàn thành: Dự kiến trong Quý III-2026.

2. ТЕХНИЧЕСКИЕ ХАРАКТЕРИСТИКИ ОБЪЕКТА УСЛУГ

1. Объем работ по пакету услуг:

a) Строительные работы:

- Замена напольной плитки в комнатах и ванных комнатах;
- Замена настенной плитки ванных комнат и кухонь;
- Замена столешниц кухонных рабочих поверхностей;
- Демонтаж потолков в ванных комнатах;
- Возведение стен в местах демонтажа, кладка перемычек и проёмов;
- Штукатурка, шпаклёвка и покраска стен и потолков внутри и снаружи зданий.

b) Электромонтажные работы:

- Замена главного распределительного щита, автоматов МСВ (общих, для освещения и для розеток);
- Замена светильников, розеток и выключателей;
- Прокладка кабеля и установочных трубок.

c) Сантехнические работы и санитарное оборудование:

- Замена унитазов;
- Замена умывальников и смесителей;
- Замена кухонных моек и смесителей;
- Замена душевых систем, вертикальных душевых стоек, комплектов зеркал;
- Замена трапов и трубопроводов внутренней водопроводной и канализационной систем;
- Замена внутренних труб подачи и отвода воды.

d) Двери, шкафы:

- Замена входных дверей, межкомнатных дверей, дверей санузлов, окон (включая коробки и замки);
- Замена навесных и напольных кухонных шкафов;
- Замена пластиковых шкафов (гардеробов);
- Замена алюминиевых шкафов с обшивкой из алюминиевых композитных панелей (гардеробы);
- Окраска вентиляционных решеток окон.

e) Шторы:

- Пошив и установка плотных и тюлевых штор для окон.

Объем работ: Подробные объёмы указаны в приложенной «Ведомости объёмов работ».

Место выполнения работ: Микрорайон №1, жилой комплекс Вьетсовпетро, ул. Pasteur 2, г. Ho Chi Minh.

2. Срок выполнения: ориентировочно в III квартале 2026 года.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện:

Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ công việc theo bảng khối lượng mời thầu trong thời gian **12 tháng (Bao gồm ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật, ngày Lễ, Tết)** kể từ ngày hai bên ký biên bản bàn

giao mặt bằng thi công. Nhà thầu phải lập bảng tiến độ chi tiết cho từng công việc trong hồ sơ mời thầu.

II. Требования к срокам выполнения работ

Подрядчик обязан выполнить весь объем работ согласно ведомости в течение 12 месяцев (включая субботы, воскресенья и праздничные дни), начиная с даты подписания акта приёмки строительной площадки. Подрядчик обязан приложить детальный календарный план к конкурсной документации.

III. Yêu cầu về kỹ thuật/ chỉ dẫn kỹ thuật:

1. Yêu cầu về biện pháp thi công, giải pháp kỹ thuật:

Nhà thầu phải mô tả đầy đủ các biện pháp, quy trình thi công, các bước nghiệm thu, kế hoạch chất lượng (trình tự; thành phần; tài liệu phục vụ công tác nghiệm thu) cho tất cả các công tác thuộc phạm vi công việc trong hồ sơ mời thầu; Thuyết minh giải pháp kỹ thuật cho từng biện pháp; Có các bản vẽ thể hiện biện pháp tổ chức thi công, đặc biệt là công tác thi công trên cao.

2. Yêu cầu về bảng tiến độ chi tiết:

Nhà thầu phải lập bảng tiến độ chi tiết cho từng công việc mang tính hợp lý và khả thi, phù hợp với tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị; biểu đồ nhân lực và kế hoạch điều động thiết bị thi công.

3. Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, thiết bị:

Các vật tư chính và thiết bị phải đáp ứng yêu cầu theo “*Bảng khối lượng công việc*” đính kèm.

Nhà thầu chào thầu vật tư, thiết bị phải kê khai đầy đủ, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, ghi rõ tên hãng sản xuất và nơi sản xuất, nước sản xuất, năm sản xuất, ký mã hiệu của vật tư, vật liệu các thông số kỹ thuật phù hợp với yêu cầu. Có bảng tiến độ cung cấp vật tư, thiết bị.

Trong trường hợp nhà thầu chào vật tư, thiết bị tương đương phải đảm bảo: Tương đương về các đặc tính kỹ thuật và giá trị sản phẩm.

4. Yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu:

Có danh sách đầy đủ thiết bị thuộc sở hữu nhà thầu hoặc đi thuê phù hợp với công suất và tiến độ thi công. Có kế hoạch điều động các thiết bị thi công.

5. Yêu cầu về an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ:

Nhà thầu phải có các biện pháp về đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ. Nhà thầu phải tuyệt đối tuân thủ Quy chế số VSP-000-ATMT-448 về quản lý an toàn-sức khỏe-môi trường.

6. Tổ chức hiện trường, danh sách cán bộ chủ chốt, công nhân:

Nhà thầu phải trình bày sơ đồ tổ chức hiện trường, đưa ra được danh sách các cán bộ chủ chốt tại công trình kèm theo lý lịch kỹ thuật và các thông tin đáp ứng các điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, danh sách công nhân phục vụ thi công công trình, có biểu đồ nhân lực phù hợp với tiến độ thi công.

- Cán bộ chủ chốt tại công trình: Tối thiểu 01 kỹ sư xây dựng, 01 kỹ sư điện, 01 kỹ sư nước có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm.

- Công nhân phục vụ thi công công trình: Có chứng chỉ nghề đáp ứng công việc trong HSMT, có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm.

Có thuyết minh sơ đồ tổ chức hiện trường, trong đó nêu rõ: chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách của từng vị trí trong sơ đồ tổ chức

7. Yêu cầu về bảo đảm chất lượng thi công:

Nhà thầu phải trình bày quy trình/ biện pháp bảo đảm chất lượng thi công:

- Sơ đồ quản lý chất lượng cho gói thầu;

- Quy trình/ biện pháp quản lý chất lượng vật tư, thiết bị bao gồm cả giải pháp xử lý vật tư thiết bị phát hiện không phù hợp với yêu cầu HSMT, giải pháp bảo quản vật tư thiết bị;

- Quy trình/ biện pháp quản lý chất lượng cho từng công tác thi công (trình tự, thành phần, các tài liệu phục vụ công tác nghiệm thu, các bước nghiệm thu...).

- Có cam kết bảo hành công việc, vật tư, thiết bị không dưới 12 tháng kể từ ngày hoàn thành công việc và bàn giao đưa vào sử dụng.

1. **Подрядчик обязан обеспечить:**
 - Высокое качество выполнения всех видов работ;
 - Отсутствие видимых дефектов после завершения работ (сколов, трещин, пятен, перекосов, неровностей и прочих нарушений);
 - Соблюдение вертикальности и горизонтальности при проведении монтажных и отделочных работ;
 - Ровность и однородность поверхностей при окраске, оштукатуривании, облицовке и укладке плитки;
 - Надежное и безопасное подключение инженерных систем и оборудования.
3. Все материалы, изделия и оборудование, используемые при ремонте, должны быть новыми, сертифицированными, соответствующими заявленным характеристикам и иметь подтверждение соответствия.
4. Подрядчик несёт полную ответственность за качество скрытых работ. Перед закрытием скрытых работ необходимо провести промежуточную приёмку с заказчиком.
5. Работы должны выполняться с применением профессионального инструмента, механизированного оборудования и с привлечением квалифицированного персонала.

VI. Yêu cầu chung đối với nhà thầu:

1. Phế thải xây dựng phải được thu gom trong các bao chắc chắn, có lót lớp bảo vệ (bạt, màng nhựa hoặc vật liệu lót khác) nhằm tránh làm bẩn bề mặt sàn, mặt đường, vỉa hè và các bề mặt khác. Tuyệt đối không được phép tập kết phế thải xây dựng trên bãi cỏ và khu vực cây xanh.
2. Nghiêm cấm trộn vữa, trộn xi măng và thực hiện các công tác tương tự trực tiếp trên lòng đường, lối đi bộ, vỉa hè, sân bãi hoặc các bề mặt không dành cho thi công xây dựng.
3. Mọi hư hỏng, ô nhiễm khu vực xung quanh, mặt đường, mặt đứng tòa nhà và các tài sản chung của khu nhà phát sinh trong quá trình thi công do lỗi của nhà thầu đều phải được khắc phục, sửa chữa hoàn toàn bằng chi phí của nhà thầu.
4. Trong trường hợp phát sinh rò rỉ, thấm dột, ngập úng hoặc các hư hỏng khác liên quan đến hệ thống kỹ thuật hoặc phần hoàn thiện của các căn hộ lân cận do lỗi của nhà thầu gây ra, nhà thầu có trách nhiệm thực hiện toàn bộ công tác sửa chữa, khắc phục bằng kinh phí của mình trong thời gian sớm nhất.
5. Sau khi hoàn thành công việc sửa chữa, nhà thầu có trách nhiệm:
 - Dọn dẹp vệ sinh toàn bộ khu vực thi công;
 - Thu dọn, vận chuyển toàn bộ phế thải xây dựng ra khỏi công trường;
 - Tổ chức nghiệm thu, bàn giao công trình với sự tham gia của đại diện bên A.

VI. Дополнительные организационно-технические требования

1. Строительный мусор должен складироваться в прочных мешках с обязательным использованием защитной подложки (пленки, настила), предотвращающей загрязнение поверхности пола, асфальта, тротуаров и иных покрытий. Хранение строительного мусора на газонах и озеленённых территориях категорически запрещается.
2. Запрещается осуществлять приготовление строительных растворов, замешивание цемента и выполнение аналогичных операций непосредственно на проезжей части, пешеходных дорожках, тротуарах, площадках и иных покрытиях, не предназначенных для строительных работ.
3. Все повреждения и загрязнения территорий, дорожных покрытий, фасадов, а также общедомового имущества, допущенные подрядчиком в процессе выполнения работ, подлежат обязательному устранению за счёт подрядчика.
4. В случае возникновения протечек, затоплений, просачивания влаги и любых иных повреждений инженерных систем или отделки в соседних квартирах, допущенных по вине подрядчика, все восстановительные работы выполняются в полном объеме и за счет подрядчика в кратчайшие сроки.
5. После завершения ремонтных работ подрядчик обязан:
 - Выполнить полную уборку помещений;

- Удалить строительный мусор;
 - Провести сдачу объекта с участием комиссии заказчика.
-

Đính kèm: Bảng khối lượng công việc



	Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật đầy đủ, hợp lý cho công tác chuẩn bị khởi công.				100	
	Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật cho công tác chuẩn bị khởi công nhưng chưa đầy đủ, hợp lý.				70	
	Không có thuyết minh giải pháp kỹ thuật cho công tác chuẩn bị khởi công.				0	
1.2.2	Công tác thi công			70		
	Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật đầy đủ, hợp lý cho tất cả các công tác thi công.				100	
	Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật cho các công tác thi công chính nhưng chưa đầy đủ, hợp lý.				70	
	Không có thuyết minh giải pháp kỹ thuật cho các công tác thi công chính.				0	
1.3	Tổ chức mặt bằng công trường:		20			
1.3.1	Mặt bằng bố trí công trường, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, đường tạm thi công.			60		
	Có bản vẽ mặt bằng tổ chức thi công đầy đủ, chi tiết.				100	
	Có bản vẽ mặt bằng tổ chức thi công nhưng chưa đầy đủ, chi tiết.				70	
	Không có bản vẽ mặt bằng tổ chức thi công.				0	
1.3.2	Bố trí rào chắn, biển báo...;			10		
	Có bố trí rào chắn, biển báo thi công, biển cảnh báo... đầy đủ, chi tiết.				100	
	Có rào chắn, biển báo thi công, biển cảnh báo... nhưng chưa đầy đủ, chi tiết.				70	
	Không bố trí rào chắn, biển báo thi công, biển cảnh báo...				0	
1.3.3	Giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công.			30		
	Có giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công đầy đủ, chi tiết.				100	
	Có giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công nhưng chưa đầy đủ, chi tiết.				70	
	Không có giải pháp cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công.				0	
1.4	Hệ thống tổ chức: Sơ đồ hệ thống tổ chức của Nhà thầu tại công trường: các bộ phận quản lý tiến độ, kỹ thuật, hành chính kế toán, chất lượng, vật tư, thiết bị, an toàn..., các tổ đội thi công.		20			



1.4.1	Có sơ đồ tổ chức hiện trường, có danh sách các cán bộ chủ chốt tại công trình kèm theo lý lịch kỹ thuật và các thông tin đáp ứng các điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, có danh sách công nhân phục vụ thi công công trình, có biểu đồ nhân lực phù hợp với tiến độ thi công. Có thuyết minh sơ đồ tổ chức hiện trường, trong đó nêu rõ: chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách của từng vị trí trong sơ đồ tổ chức.			100		
1.4.2	Có sơ đồ tổ chức hiện trường, có danh sách các cán bộ chủ chốt tại công trình kèm theo lý lịch và danh sách công nhân phục vụ thi công công trình nhưng không đầy đủ, có biểu đồ nhân lực chưa phù hợp với tiến độ thi công.			70		
1.4.3	Không có sơ đồ tổ chức hiện trường, không có danh sách các cán bộ chủ chốt tại công trình kèm theo lý lịch và danh sách công nhân kỹ thuật, lao động chuyên môn huy động cho công trình, không có biểu đồ nhân lực.			0		
2	Biện pháp tổ chức thi công	30				23
2.1	Có mô tả đầy đủ các biện pháp, quy trình thi công, các bước nghiệm thu, kế hoạch chất lượng (trình tự; thành phần; tài liệu phục vụ công tác nghiệm thu) cho tất cả các công tác trong phạm vi công việc trong hồ sơ mời thầu; Có thuyết minh giải pháp kỹ thuật cho từng biện pháp; Các biện pháp và thuyết minh hợp lý. Có các bản vẽ thể hiện biện pháp tổ chức thi công.			100		
2.2	Có mô tả đầy đủ biện pháp, quy trình thi công, các bước nghiệm thu cho tất cả các công tác trong hồ sơ mời thầu nhưng một số điểm chưa hợp lý hoặc thiếu mô tả các biện pháp, quy trình thi công, các bước nghiệm thu và thuyết minh giải pháp kỹ thuật của các công tác thi công phụ.			70		
2.3	Không có mô tả hoặc mô tả thiếu biện pháp, quy trình thi công, các bước nghiệm thu, kế hoạch chất lượng của các công tác thi công chính, mô tả biện pháp thi công của các công tác không có trong hồ sơ mời thầu.			0		
3	Tiến độ thi công	15				11
3.1	Tổng tiến độ thi công:			70		
3.1.1	Thời gian hoàn thành công trình;			80		
	Có Bảng tiến độ thi công chi tiết bao gồm toàn bộ các công tác thi công chính. Đề xuất thời gian thi công hợp lý, khả thi theo đúng yêu cầu của HSMT					100
	Bảng tiến độ thi công chi tiết thiếu công tác thi công chính. Thời gian thi công không hợp lý, khả thi hoặc vượt quá thời gian qui định trong HSMT					0



3.1.2	Sự phối hợp giữa các công tác thi công, các tổ đội thi công			20		
	Hợp lý và khả thi.				100	
	Không hợp lý và không khả thi.				0	
3.2	Biểu đồ huy động		20			
3.2.1	Biểu đồ huy động nhân lực			30		
	Có biểu đồ huy động nhân lực hợp lý, khả thi.				100	
	Không có biểu đồ huy động nhân lực.				0	
3.2.2	Biểu đồ huy động vật liệu			40		
	Có biểu đồ huy động vật liệu hợp lý, khả thi.				100	
	Không có biểu đồ huy động vật liệu.				0	
3.2.3	Biểu đồ huy động thiết bị			30		
	Có biểu đồ huy động thiết bị thi công hợp lý, khả thi.				100	
	Không có biểu đồ huy động thiết bị thi công.				0	
3.3	Biện pháp bảo đảm tiến độ thi công, duy trì thi công khi mất điện		10			
	Có biện pháp bảo đảm tiến độ thi công, duy trì thi công khi mất điện.				100	
	Không có biện pháp bảo đảm tiến độ thi công, duy trì thi công khi mất điện.				0	
4	Biện pháp bảo đảm chất lượng	11				7
4.1	Sơ đồ quản lý chất lượng		10			
	Có Sơ đồ quản lý chất lượng hợp lý, khả thi.				100	
	Không có Sơ đồ quản lý chất lượng.				0	
4.2	Quản lý chất lượng vật tư		30			
4.2.1	Lập bảng danh mục toàn bộ vật tư, vật liệu, thiết bị sẽ đưa vào gói thầu			40		
	Có bảng danh mục toàn bộ vật tư, vật liệu, thiết bị sẽ đưa vào gói thầu.				100	
	Không có bảng danh mục toàn bộ vật tư, vật liệu, thiết bị sẽ đưa vào gói thầu.				0	
4.2.2	Quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị			50		
	Có Quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị.				100	
	Không có Quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị.				0	
4.2.3	Giải pháp xử lý vật tư, vật liệu và thiết bị phát hiện không phù hợp với yêu cầu của gói thầu			10		
	Có giải pháp xử lý.				100	
	Không có giải pháp xử lý.				0	
4.3	Quản lý chất lượng cho từng công tác thi công		40			
	Có đầy đủ biện pháp, quy trình quản lý chất lượng (trình tự, thành phần, tài liệu phục vụ công tác nghiệm thu, các bước nghiệm thu) cho từng công tác thi công.				100	



	Có nhưng chưa đầy đủ biện pháp, quy trình quản lý chất lượng (trình tự, thành phần, tài liệu phục vụ công tác nghiệm thu, các bước nghiệm thu) cho từng công tác thi công.			70		
	Không có biện pháp, quy trình quản lý chất lượng cho từng công tác thi công.			0		
4.4	Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão		10			
	Có Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão.			100		
	Không có Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão.			0		
4.5	Sửa chữa hư hỏng		10			
	Có biện pháp, quy trình sửa chữa hư hỏng trong quá trình thi công.			100		
	Không có biện pháp, quy trình sửa chữa hư hỏng trong quá trình thi công.			0		
5	Vệ sinh môi trường, phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động	16				12
5.1	Các biện pháp giảm thiểu, bảo vệ môi trường:		25			
5.1.1	Tiếng ồn;			20		
5.1.2	Bụi và khói;			20		
5.1.3	Rung;			20		
5.1.4	Kiểm soát nước thải;			20		
5.1.5	Kiểm soát rác thải, vệ sinh;			20		
5.2	Phòng cháy, chữa cháy:		25			
5.2.1	Quy định, quy phạm tiêu chuẩn;			30		
5.2.2	Các giải pháp, biện pháp, trang bị phương tiện phòng chống cháy nổ;			40		
5.2.3	Tổ chức bộ máy quản lý hệ thống phòng chống cháy nổ.			30		
5.3	An toàn lao động:		50			
5.3.1	Tổ chức đào tạo, thực hiện và kiểm tra an toàn lao động;			20		
5.3.2	Biện pháp bảo đảm an toàn lao động cho từng công đoạn thi công;			50		
5.3.3	An toàn giao thông ra vào công trường;			10		
5.3.4	Bảo đảm an ninh công trường, quản lý nhân sự, thiết bị;			10		
5.3.5	Quản lý an toàn cho công trình và cư dân xung quanh công trường.			10		
6	Bảo hành và bảo trì	4				4



6.1	Có cam kết bảo hành hạng mục công trình không dưới 12 tháng kể từ ngày hoàn thành công trình và bàn giao đưa vào sử dụng.		100			
6.2	Không có cam kết bảo hành hạng mục công trình hoặc thời hạn bảo hành dưới 12 tháng kể từ ngày hoàn thành công trình và bàn giao đưa vào sử dụng.		0			
7	Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện hợp đồng	4				4
7.1	Không có hợp đồng chậm tiến độ do lỗi nhà thầu;		100			
7.2	Có hợp đồng chậm tiến độ do lỗi nhà thầu.		0			
	TỔNG CỘNG	100				75

- Mức độ đáp ứng của Hồ sơ dự thầu ở mỗi tiêu chí được đánh giá trong khoảng điểm giới hạn giữa các tiêu chí đó;

- Các Hồ sơ dự thầu đạt yêu cầu kỹ thuật khi đạt 3 điều kiện:

- + Có tổng số điểm từ 75 điểm trở lên;
- + Không có mục nào có điểm thấp hơn điểm tối thiểu tương ứng quy định cho mục đó;
- + Điểm của mục 3.1.1 lớn hơn 0 điểm.



№ Stt	Наименование работ Nội dung công việc	Ед.изм. ĐVT	Общий объем работ Tổng khối lượng	Описание работы Mô tả công việc	Требуемые основные материалы (или аналогичные) Yêu cầu vật liệu chính (hoặc tương đương)
I.2	Полы - Sàn:				
7	Гидроизоляция пола в душевых Chống thấm sàn nhà wc	m2	90	<p>После устройства новой стяжки, отчистить поверхность пола от пыли и грязи - нанести гидроизоляцию на отчищенную поверхность с наступом на стены по периметру 20 см.</p> <p>Đục hết lớp vữa cũ tới sàn bê tông, làm sạch bụi bẩn, quét chất chống thấm Kova toàn bộ mặt sàn WC và lên tường xung quanh WC cao 20 cm (Ti lệ quét chống thấm theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất). Cán nền toàn bộ WC vữa XM mác 100#.</p>	- KOVA professor paint (CT-11A)plus
8	Замена покрытия пола из керамической плитки в душевых с устройством уклона к трапу. Thay thế lớp gạch men sàn buồng tắm có độ dốc đến Phễu thu nước thoát sàn. Thay thế lớp gạch men sàn bếp	m2	96	<p>Đục bỏ gạch cũ, vữa cũ; láng vữa XM cát M75 dày 3cm; dán gạch bằng hồ dầu</p> <p>Đемонтаж старой плитки и стяжки; устройство новой стяжки из цемента M75 толщиной 3см; Облицовка керамической плиткой, затирка стыков</p>	<p>- Xi măng Chinfon HP PC40: TCVN 6260:2020 / Hà Tiên/ Holcim.</p> <p>- Cát xây Tóc Tiên BRVT: TCVN 7570: 2006 / Đồng Nai / Tân Thành..</p> <p>- Gạch ceramic 40x40cm Prime: TCVN 13113:2020 / Đồng Tâm / Viglacera.</p> <p>- Цемент Chinfon HP PC40: TCVN 6260:2020 / Hà Tiên/ Holcim.</p> <p>- Песок Tóc Tiên BRVT: TCVN 7570: 2006 / Đồng Nai / Tân Thành.</p> <p>- Плитка керамическая 40x40см Prime: TCVN 13113:2020 / Đồng Tâm / Viglacera.</p>
9	Замена керамического покрытия пола в комнатах, коридорах и кухнях с плитусом. Thay thế lớp gạch men sàn các phòng, hành lang và bếp cùng với chân tường.	m2	1300	<p>Đục bỏ gạch cũ, vữa cũ; láng vữa XM cát M75 dày 3cm; dán gạch bằng hồ dầu</p> <p>Đемонтаж старой плитки и стяжки; устройство новой стяжки из цемента M75 толщиной 3см; Облицовка керамической плиткой, затирка стыков</p>	<p>- Xi măng Chinfon HP PC40: TCVN 6260:2020 / Hà Tiên/ Holcim..</p> <p>- Cát xây Tóc Tiên BRVT: TCVN 7570: 2006 / Đồng Nai / Tân Thành..</p> <p>- Gạch granit 60x60, Prime: TCVN 13113:2020 / Đồng Tâm / Viglacera.</p> <p>- Цемент Chinfon HP PC40.: TCVN 6260:2020 / Hà Tiên/ Holcim.</p> <p>- Песок Tóc Tiên BRVT: TCVN 7570: 2006 / Đồng Nai / Tân Thành..</p> <p>- Плитка керамическая 60x60см Prime: TCVN 13113:2020 / Đồng Tâm / Viglacera.</p>
10	Строительство порожков высотой 5см в дверных проемах Xây ngưỡng cửa cao 5cm ở các lối vào buồng tắm, cửa ra vào và cửa ra ban công.	шт/cái	30	<p>Vữa XM M75, tô trát hai mặt, tường hoàn thiện dày 100, lát gạch ceramic Prime</p> <p>Цементный раствор M75, штукатурка двухсторонняя, стена толщиной 100, плитка керамическая Prime</p>	<p>- Xi măng Chinfon HP PC40.: TCVN 6260:2020 / Hà Tiên/ Holcim.</p> <p>- Cát xây Tóc Tiên BRVT: TCVN 7570: 2006 / Đồng Nai / Tân Thành.</p> <p>- Gạch granit 60x60, Prime: TCVN 13113:2020 / Đồng Tâm / Viglacera.</p> <p>- Цемент Chinfon HP PC40.: TCVN 6260:2020 / Hà Tiên/ Holcim.</p> <p>- Песок Tóc Tiên BRVT: TCVN 7570: 2006 / Đồng Nai / Tân Thành..</p> <p>- Керамическая 60x60см Prime: TCVN 13113:2020 / Đồng Tâm / Viglacera.</p>
I.3	Отделочные работы - Công tác hoàn thiện:				
11	Đục bỏ gạch men ốp tường cũ khu bếp, tô trát lại. Đемонтаж керамической плитки со стен на кухне, оштукатуривание стен.	m2	270	<p>Đục bỏ gạch men ốp tường cũ, vữa cũ; tô trát lại tường vữa XM M75.</p> <p>Đемонтаж плитки и стяжки со стен, оштукатуривание цементным раствором M75</p>	<p>- Xi măng Chinfon HP PC40.: TCVN 6260:2020 / Hà Tiên/ Holcim.</p> <p>- Cát xây Tóc Tiên BRVT: TCVN 7570: 2006 / Đồng Nai / Tân Thành.</p> <p>- Цемент Chinfon HP PC40.: TCVN 6260:2020 / Hà Tiên/ Holcim.</p> <p>- Песок Tóc Tiên BRVT: TCVN 7570: 2006 / Đồng Nai / Tân Thành..</p>
12	Chuẩn bị bề mặt tường mới tô trát, vệ sinh, trét matit Шпатлевка и подготовка поверхности стен под окраску .	m2	800	<p>Vệ sinh tường mới tô trát; trét matit, làm phẳng bề mặt trước khi sơn</p> <p>Очистка новых оштукатуренных стен; шпатлевка, выравнивание перед покраской</p>	<p>Bột trét matit Golden star: TCVN 9014:2011 / Тоa / Jotun/ Dulux.</p> <p>Шпатлевка Golden star: TCVN 9014:2011 / Тоa / Jotun/ Dulux.</p>
13	Замена керамической плитки стен душевой и кухни. Thay thế gạch ốp tường nhà tắm và nhà bếp	m2	270	<p>Đục bỏ gạch cũ, vữa cũ; trát vữa XM cát M75 dày 3cm; dán gạch bằng hồ dầu</p> <p>Демонтаж старой плитки и стяжки; устройство новой стяжки из цемента M75 толщиной 3см; Облицовка керамической плиткой, затирка стыков</p>	<p>- Xi măng Chinfon HP PC40.: TCVN 6260:2020 / Hà Tiên/ Holcim.</p> <p>- Cát xây Tóc Tiên BRVT: TCVN 7570: 2006 / Đồng Nai / Tân Thành.</p> <p>- Gạch ceramic 300x600 Prime: TCVN 13113:2020 / Đồng Tâm / Viglacera..</p> <p>- Цемент Chinfon HP PC40.: TCVN 6260:2020 / Hà Tiên/ Holcim.</p> <p>- Песок для Tóc Tiên BRVT: TCVN 7570: 2006 / Đồng Nai / Tân Thành.</p> <p>- Плитка керамическая 300x600 Prime: TCVN 13113:2020 / Đồng Tâm / Viglacera.</p>
14	Замена облицовочных плитки столешницы на гранитное полотно Thay thế đá granit ốp mặt bàn bếp	m2	37	<p>Đục bỏ gạch cũ, vữa cũ; láng vữa XM cát M75 dày 3cm; dán đá bằng hồ dầu</p> <p>Демонтаж старой плитки и стяжки; Облицовка гранитной плитой, затирка стыков</p>	<p>- Xi măng Chinfon HP PC40.: TCVN 6260:2020 / Hà Tiên/ Holcim.</p> <p>- Cát xây Tóc Tiên BRVT: TCVN 7570: 2006 / Đồng Nai / Tân Thành.</p> <p>- Đá granit tự nhiên muối tiêu Bình Định</p> <p>- Цемент Chinfon HP PC40.: TCVN 6260:2020 / Hà Tiên/ Holcim.</p> <p>- Песок Tóc Tiên BRVT: TCVN 7570: 2006 / Đồng Nai / Tân Thành..</p> <p>- Естественный гранит цвета "соль с черным перцем" Bình Định</p>



Nh Stt	Наименование работ Nội dung công việc	Ед.изм. DVT	Общий объем работ Tổng khối lượng	Описание работы Mô tả công việc	Требуемые основные материалы (или аналогичные) Yêu cầu vật liệu chính (hoặc tương đương)
15	Штукатурка, шпатлевка потолка и стен в душевых Trát vữa và bả ma tít trần và tường trong nhà tắm	m2	110	Vệ sinh, tô trát vữa XM M75 các vị trí bong tróc; trét matit, làm phẳng bề mặt trước khi sơn Oчистка и штукатурка раствором M75 в местах отслаивания; шпатлевка, выравнивание поверхности перед покраской	- Xi măng Chinfon HP PC40.: TCVN 6260:2020 / Hà Tiên/ Holcim. - Cát xây Tóc Tiên BRVT: TCVN 7570: 2006 / Đông Nai / Tân Thành. - Bột trét matit Golden star: TCVN 9014:2011 / Toa / Jotun/ Dulux. - Цемент Chinfon HP PC40.: TCVN 6260:2020 / Hà Tiên/ Holcim. - Песок Tóc Tiên BRVT: TCVN 7570: 2006 / Đông Nai / Tân Thành. - Шпатлевка Golden star: TCVN 9014:2011 / Toa / Jotun/ Dulux.
16	Ремонт штукатурки мест примыкания дверных коробок к стенам по периметру Sửa chữa lớp vữa vị trí xung quanh khung cửa nối với tường	m2	30	Vệ sinh, tô trát vữa XM M75 các vị trí bong tróc; trét matit, làm phẳng bề mặt trước khi sơn Oчистка и штукатурка раствором M75 в местах отслаивания; шпатлевка, выравнивание поверхности перед покраской	- Xi măng Chinfon HP PC40.: TCVN 6260:2020 / Hà Tiên/ Holcim. - Cát xây Tóc Tiên BRVT: TCVN 7570: 2006 / Đông Nai / Tân Thành. - Bột trét matit Golden star: TCVN 9014:2011 / Toa / Jotun/ Dulux. - Цемент Chinfon HP PC40.: TCVN 6260:2020 / Hà Tiên/ Holcim. - Песок Tóc Tiên BRVT: TCVN 7570: 2006 / Đông Nai / Tân Thành. - Шпатлевка Golden star: TCVN 9014:2011 / Toa / Jotun/ Dulux.
I.4	Подготовка поверхностей стен и потолков под покраску: Chuẩn bị bề mặt tường và trần để sơn				
17	Oчистка всю штукатурку, пораженную плесенью и грибок, на стене и потолке Cạo, sủi bô toàn bộ lớp trát matis các vị trí bị nấm mốc trên tường, trần.	m2	450	Cạo, sủi bô toàn bộ lớp trát matis các vị trí bị nấm mốc trên tường, trần căn hộ. Oчистка всю штукатурку, пораженную плесенью и грибок, на стене и потолке квартиры	
18	Oчистка, выравнивание очищенных и оштукатуренных поверхностей и нанесение шпаклевки Vệ sinh, làm phẳng bề mặt đã cạo, sủi matis cũ và trát ma tít	m2	900	Vệ sinh, trát matis và làm phẳng bề mặt trước khi sơn. Oчистка, нанесение шпаклевки и выравнивание поверхностей перед покраской	- Bột trét matit Golden star: TCVN 9014:2011 / Toa / Jotun/ Dulux. - Шпатлевка Golden star: TCVN 9014:2011 / Toa / Jotun/ Dulux.
19	Покраска за 2 раза противогрибковой водоэмульсионной краской подготовленных поверхностей стен и потолков во всех помещениях, включая встроенные шкафы. Sơn 2 lần bằng sơn nước chống nấm bề mặt đã được chuẩn bị của tường và trần tất cả các phòng, bao gồm cả tủ, ban công, bàn bếp.	m2	4620	Sơn trong nhà, sơn màu 2 lớp Oкраска в 2 слоя	Sơn vàng nội thất Golden star (Golden star tối ưu): TCVN 9014:2011 / Toa / Jotun/ Dulux.(cần kiểm tra màu trước khi sơn). Краска водоэмульсионная Golden star (Golden star tối ưu): TCVN 9014:2011 / Toa / Jotun/ Dulux. для внутренних работ (необходимо согласовать цвет перед покраской).
20	Грунтовка и покраска за 2 раза фасадной краской потолка, наружных стен и ограждения балкона Sơn lót và sơn mặt ngoài 2 lần trần, tường bên ngoài và lan can ban công	m2	150	Sơn ngoài nhà, 1 lớp lót 2 lớp phủ Грунтовка в 1 слой, окраска в 2 слоя	Sơn ngoài thất Golden star (Golden star tối ưu): TCVN 9014:2011 / Toa / Jotun/ Dulux (cần kiểm tra màu trước khi sơn). Фасадная краска Golden star (Golden star tối ưu): TCVN 9014:2011 / Toa / Jotun/ Dulux (необходимо согласовать цвет перед покраской).
21	Подготовка под покраску металлических труб, оконных решеток Chuẩn bị để sơn ống kim loại, song cửa và lan can ban công	m2	45	Đánh rỉ và vệ sinh làm sạch bề mặt kim loại trước khi sơn Oчистка щеткой металлических поверхностей от ржавчины и грязи перед покраской	
22	Покраска 2 раза масляной белой краской металлических труб, оконных решеток и решеток балконных ограждений Sơn 2 lần bằng sơn dầu màu trắng ống kim loại, song cửa sổ và lan can ban công	m2	45	Sơn sắt thép các loại 2 lớp Oкраска в 2 слоя	Sơn dầu Bạch Tuyết màu trắng Белая маслянная краска "Bạch Tuyết"
I.5	Встроенные и навесные шкафы, столешница: Tủ âm tường, tủ treo, bàn bếp				
23	Изготовление и установка пластикового шкафа в алюминиевом каркасе с полками и фурнитурой Sân xuất và lắp đặt tủ nhôm khung nhôm có kệ và phụ kiện (tủ quần áo),	m2	50	Lắp đặt cửa tủ bằng nhôm khung nhôm Установка рамы, полок, дверей, фурнитуры	Шкаф глубиной 60 см, с перекладиной для вешалок одежды, верхнее отделение для хранения вещей. Каркас, створки, борта, шкафа изготовлены из алюминиевого профиля и алюминий-пластиковой панели (необходимо согласовать цвет перед установкой, проверить фактический размер перед установкой) Tủ sâu 60 cm, khung nhôm YngHua, cánh, bọc các mặt, ngăn tủ bọc tấm ốp Nhôm Aluminum ALCOREST, Triều Chen
24	Изготовление и установка кухонных алюминиевых навесных шкафов Chế tạo và lắp đặt tủ treo trong phòng bếp	md	38	Chế tạo và lắp đặt tủ bếp trên Изготовление и установка верхних кухонных шкафов	Tủ sâu 40cm, cao 70cm, chia ngăn, nhôm YngHua, kính 5ly, tay nắm, chốt gài (mẫu tự chọn, kiểm tra kích thước thực tế trước khi gia công) Шкаф глубиной 40 см, высотой 70 см, разделенный на секции, алюминий YngHua, стекло 5мм, фурнитура (необходимо согласовать цвет перед установкой, проверить фактический размер перед установкой)



Nh Stt	Наименование работ Nội dung công việc	Ед.изм. DVT	Общий объем работ Tổng khối lượng	Описание работы Mô tả công việc	Требуемые основные материалы (или аналогичные) Yêu cầu vật liệu chính (hoặc tương đương)
I.6	Замена сантехнического оборудования: Thay thế thiết bị vệ sinh				
28	Раковина с пьедесталом (toto lpt236cs) - Lavabo Toto LPT 236CS	шт/cái	15	Tháo bỏ lavabo cũ, lắp đặt lavabo mới demontajz starych, podklyucheniye novykh	Lavabo Toto LPT 236CS
29	Мойка с местом для сушки - Bồn rửa bát đĩa có cánh gà	шт/cái	15	Tháo bỏ chậu rửa cũ, lắp đặt chậu rửa bát đĩa mới demontajz starych, podklyucheniye novykh	Chậu rửa đơn có cánh gà Inox Sơn Hà S79S Mойка с местом для сушки Inox Sơn Hà S79S
30	Смеситель кухонный - Vòi nước rửa chén ở bếp	шт/cái	15	Tháo bỏ vòi cũ, lắp đặt vòi mới demontajz starych, podklyucheniye novykh	Vòi rửa nóng, lạnh Valta TD 2120N Смеситель TD 2120N
31	Смеситель в душевой (раковина) (Toto TVLC101NSR) - Vòi rửa Lavabo nóng, lạnh Toto TVLC101NSR	шт/cái	15	Tháo bỏ vòi rửa lavabo cũ, lắp đặt vòi rửa lavabo mới demontajz starych, podklyucheniye novykh	Vòi rửa Lavabo nóng, lạnh Toto TVLC101NSR
32	Тройной смеситель в душевой - Bộ sen tắm đứng	шт/cái	15	Tháo bỏ bộ vòi tắm cũ, lắp đặt bộ sen tắm đứng mới demontajz starych, podklyucheniye novykh	INAX BfV-1115
33	Смеситель в душевой с распылителем (Valta TD 214) - Bộ vòi sen tắm Valta TD 214	шт/cái	30	Tháo bỏ vòi sen tắm cũ, lắp đặt bộ sen tắm mới demontajz starych, podklyucheniye novykh	Bộ sen tắm nóng, lạnh Valta TD 214
34	Сифоны с гидрозатвором Ổng xả siphon có van chặn nước	шт/cái	15	Tháo bỏ bộ ống siphon cũ, lắp đặt bộ mới demontajz starych, podklyucheniye novykh	Xí phòng PT463 Сифон PT463
35	Комплект "Зеркало" улучшенного качества из 7 предметов Bộ gương, bộ 7 món chất lượng tốt	шт/cái	15	Tháo bỏ gương, bộ 7 món cũ, lắp đặt gương, bộ 7 món mới Снять зеркала, комплект 7 старых предметов, установить новое зеркало, комплект новых 7 предметов	Bộ gương+kệ gương bằng kính+inox, các phụ kiện phòng tắm khác như giá treo khăn, kệ đựng ly cốc, móc quần áo, móc giấy vệ sinh... bằng inox Комплект зеркал + зеркальная полка + нержавеющей стали, другие аксессуары для ванной, такие как вешалка для полотенца, подстаканник, крючок для одежды, крючок для туалетной бумаги ... из нержавеющей стали
36	Пластиковая крышка унитаза Nắp bồn cầu bằng nhựa	шт/cái	15	Tháo bỏ nắp bồn cầu nhựa cũ, lắp đặt nắp bồn cầu nhựa mới demontajz starych, ustanovka novykh	Nắp bồn cầu nhựa cho Inax Bồn cầu C-117VA
37	Унитаз - Bồn cầu	шт/cái	15	Tháo bỏ bồn cầu cũ, lắp đặt bồn cầu mới demontajz starych, podklyucheniye novykh	Bồn cầu Inax C-117VA
38	Трап - Phễu thu nước thoát sàn	шт/cái	15	Đục bỏ phễu thu sàn cũ, lắp đặt phễu mới demontajz starych, podklyucheniye novykh	Phễu Inox VN 15x15cm traп из нержавеющей стали Inax VN 15x15cm
I.7	Прочие - Công việc khác:				
39	Demontajz podvesnykh plastikovykh potolkov duzhevyykh Tháo dỡ trần nhựa nhà tắm	m2	24	Tháo dỡ trần nhựa cũ trong phòng tắm.	
40	Пошив и навеска штор на окна May và treo rèm cửa sổ	mđ (tính theo chiều rộng cửa sổ)	378	Rèm cửa sổ, vải chất lượng cao chống nắng, may xếp ly với độ rộng gấp 2 lần chiều dài thanh treo; chiều cao từ sàn đến thanh treo là 2,2 mét. Thanh treo rèm làm bằng hợp kim nhôm, sơn tĩnh điện (màu sắc thỏa thuận). Оконные шторы, качественная ткань не пропускающая солнечные лучи, сложенная в 2 раза больше длины карниза. Карниз для штор изготовлен из алюминиевого сплава с порошковым покрытием (цвет согласовать)	Rèm cửa sổ, vải chất lượng cao chống nắng, may xếp ly với độ rộng gấp 2 lần chiều dài thanh treo; chiều cao từ sàn đến thanh treo là 2,2 mét. Thanh treo rèm làm bằng hợp kim nhôm, sơn tĩnh điện (màu sắc thỏa thuận). Оконные шторы, качественная ткань не пропускающая солнечные лучи, сложенная в 2 раза больше длины карниза. Карниз для штор изготовлен из алюминиевого сплава с порошковым покрытием (цвет согласовать)
41	Пошив и навеска тюли на окна May và treo rèm tuyen cửa sổ	mđ (tính theo chiều rộng cửa sổ)	378	Rèm cửa sổ vải voan chất lượng cao, may xếp ly với độ rộng gấp 2 lần chiều dài thanh treo; chiều cao từ thanh treo đến sàn là 2,2 mét. Thanh treo rèm làm bằng hợp kim nhôm, sơn tĩnh điện (màu sắc thỏa thuận). Качественные тюлевые оконные шторы, ткань сложенная в 2 раза больше длины карниза, высота от карниза до пола 2.2 метра. Карниз для штор изготовлен из алюминиевого сплава с порошковым покрытием, (цвет согласовать).	Rèm cửa sổ vải voan chất lượng cao, may xếp ly với độ rộng gấp 2 lần chiều dài thanh treo; chiều cao từ thanh treo đến sàn là 2,2 mét. Thanh treo rèm làm bằng hợp kim nhôm, sơn tĩnh điện (màu sắc thỏa thuận). Качественные тюлевые оконные шторы, ткань сложенная в 2 раза больше длины карниза, высота от карниза до пола 2.2 метра. Карниз для штор изготовлен из алюминиевого сплава с порошковым покрытием, (цвет согласовать).
II	Phần điện - Электрическая часть				



№ Stt	Наименование работ Nội dung công việc	Ед.изм. ĐVT	Общий объем работ Tổng khối lượng	Описание работы Mô tả công việc	Требуемые основные материалы (или аналогичные) Yêu cầu vật liệu chính (hoặc tương đương)
II.1	Оборудование - Thiết bị:				
42	Шкаф для установки автоматических выключателей, с нулевой шиной и шиной заземления на 12 модулей. Thay tủ điện tổng 12 module	Cái	15	Tháo bỏ tủ cũ, lắp đặt tủ mới, gắn thiết bị Sнять старые шкафы, установить новые, прикрепить оборудование	Tủ sắt sơn tĩnh điện, 9 Line, Sino Việt Nam Stainless Steel Cabinet with electrostatic coating, 9 lines, Sino Vietnam
43	Замена выключателей автоматических двухполюсных 50A,230/400В Thay MCB tổng 50A,230/400V	шт/cái	15	Tháo bỏ MCB cũ, lắp đặt MCB mới Демонтаж старого MCB, установить новый MCB	Schneider Thái Lan/ Việt Nam Sản xuất tại Thái Lan/ Việt Nam
44	Замена выключателей автоматических двухполюсных 40A, 230/400В УЗО Thay thế công tắc hai cực tự động 40A, 230/400V	шт/cái	15	Tháo bỏ MCB cũ, lắp đặt MCB mới Демонтаж старого MCB, установить новый MCB	Schneider Thái Lan/ Việt Nam Sản xuất tại Thái Lan/ Việt Nam
45	Замена выключателей автоматических двухполюсных 16A,230/400В Thay MCB tổng 16A,230/400V	шт/cái	45	Tháo bỏ MCB cũ, lắp đặt MCB mới Демонтаж старого MCB, установить новый MCB	Schneider Thái Lan/ Việt Nam Sản xuất tại Thái Lan/ Việt Nam
46	Замена выключателей автоматических двухполюсных 16A,230/400В с УЗО 30mA. Thay MCB tổng 16A,230/400V, chống giật 30 mA	шт/cái	15	Tháo bỏ MCB cũ, lắp đặt MCB mới Демонтаж старого MCB, установить новый MCB	Schneider Thái Lan/ Việt Nam Sản xuất tại Thái Lan/ Việt Nam
47	Замена Однополюсных выключателей 16A, 250V Thay MCB 1 cực 16A, 250V	шт/cái	90	Tháo bỏ MCB cũ, lắp đặt MCB mới Демонтаж старого MCB, установить новый MCB	Schneider Thái Lan/ Việt Nam Sản xuất tại Thái Lan/ Việt Nam
48	Замена Однополюсных выключателей 10A, 250V	шт/cái	15	Tháo bỏ MCB cũ, lắp đặt MCB mới Демонтаж старого MCB, установить новый MCB	Schneider Thái Lan/ Việt Nam Sản xuất tại Thái Lan/ Việt Nam
49	Замена Однополюсных выключателей 32A, 250V	шт/cái	15	Tháo bỏ MCB cũ, lắp đặt MCB mới Демонтаж старого MCB, установить новый MCB	Schneider Thái Lan/ Việt Nam Sản xuất tại Thái Lan/ Việt Nam
50	Замена Розеток штепсельных двухполюсных сдвоенных с третьим заземляющим контактом для скрытой установки 15A,250В. Thay ổ cắm đôi 3 chấu 15A,250V	шт/cái	405	Tháo dỡ ổ cắm điện cũ, lắp đặt ổ cắm điện mới kèm theo đế âm. Демонтаж старой розетки, установить новую с подрозетником	Schneider Thái Lan/ Việt Nam Sản xuất tại Thái Lan/ Việt Nam



№ Stt	Наименование работ Nội dung công việc	Ед.изм. DVT	Общий объем работ Tổng khối lượng	Описание работы Mô tả công việc	Требуемые основные материалы (или аналогичные) Yêu cầu vật liệu chính (hoặc tương đương)
66	Установка трубок для защиты эл.проводов D32 Lắp đặt ống bảo vệ dây dẫn D32	m	300	Lắp đặt ống PVC cứng - vega và phụ kiện ngoài hành lang Montage жестких ПВХ труб - вега и фурнитуры в коридоре	<p>-Xi măng Chinfon HP PC40.: TCVN 6260:2020 / Hà Tiên/ Holcim. - Cát xây Tóc Tiên BRVT: TCVN 7570: 2006 / Đồng Nai / Tân Thành. - Ống PVC cứng - Vega (bao gồm cả phụ kiện: khớp nối ống, góc xoay, hộp kết nối, đinh vít...) - Цемент Chinfon HP PC40.: TCVN 6260:2020 / Hà Tiên/ Holcim. - Песок Tóc Tiên BRVT: TCVN 7570: 2006 / Đồng Nai / Tân Thành. - Жесткие трубы из ПВХ - Vega (включая аксессуары: муфту для шланга, поворотный уголок, соединительную коробку, винты ...)</p>
III	Замена труб - thay thế đường ống:				
67	Ống 60 - pipe 60	m	60		Bình Minh PVC, Vietnam
68	Ống 42 - pipe D42	m	40		Bình Minh PVC, Vietnam
69	Tê 60 - plastic numbnessD60	pc	30		Bình Minh PVC, Vietnam
70	Co 60 - plastic shrink D60	pc	50		Bình Minh PVC, Vietnam
71	Giảm 60/34 - plastic reducer connector 60/34	pc	30		Bình Minh PVC, Vietnam
72	Co 42 - plastic shrink D42	pc	50		Bình Minh PVC, Vietnam
73	Tê 42 - plastic numbness D42	pc	20		Bình Minh PVC, Vietnam
74	Ống 21 - pipe D21	m	200		Bình Minh PVC, Vietnam



Nh Stt	Наименование работ Nội dung công việc	Ед.изм. ĐVT	Общий объем работ Tổng khối lượng	Описание работы Mô tả công việc	Требуемые основные материалы (или аналогичные) Yêu cầu vật liệu chính (hoặc tương đương)
75	Van 21 - valve D21	pc	10	Демонтаж старых труб, прокладка, подключение и опесовка новых труб/ Tháo dỡ các đường ống cũ, lắp đặt, kết nối đường ống mới	Binh Minh PVC, Vietnam
76	Tê 21 - plastic numbness V21	pc	50		Binh Minh PVC, Vietnam
77	Nối răng ngoài 21 đồng - plastic connector with brass inner ring outside D21	pc	50		Binh Minh PVC, Vietnam
78	Nối răng trong 21 đồng - plastic connector with brass inner ring inside D21	pc	40		Binh Minh PVC, Vietnam
79	Co 21 - plastic shrink D21	pc	150		Binh Minh PVC, Vietnam
80	Co răng trong 21 đồng - plastic shrink with brass inner ring inside D21	pc	50		Binh Minh PVC, Vietnam
81	Lợi 21 - plastic shrink 45 D21	pc	48		Binh Minh PVC, Vietnam
82	Răng inox 21	pc	30		Binh Minh PVC, Vietnam
83	Hai đầu răng đồng 21	pc	60		Binh Minh PVC, Vietnam
84	Co 25 - plastic shrink D25	pc	150		Binh Minh PPR, Vietnam
85	Co răng trong 25 - plastic shrink with brass inner ring inside D25	pc	40		Binh Minh PPR, Vietnam
86	Nối răng trong 25 - plastic connector with brass inner ring inside D25	pc	40		Binh Minh PPR, Vietnam
87	Nối răng ngoài 25 - plastic connector with brass inner ring outside D25	pc	40		Binh Minh PPR, Vietnam
88	Tê 25 - plastic numbness D25	pc	60		Binh Minh PPR, Vietnam
89	Nối 25 - dodge plastic D25	pc	30		Binh Minh PPR, Vietnam
90	Lợi 25 - plastic shrink 45 D25	pc	50		Binh Minh PPR, Vietnam
91	Van 25 valve D25	pc	30		Binh Minh PPR, Vietnam
92	Ống 25 - pipe PPU D25	m	198		Binh Minh PPR, Vietnam

GHI CHÚ:

Khối lượng công việc nêu trên là khối lượng dự kiến cho 1 năm được đại diện Ban ĐSNO-VPLV và Phòng XDCB lập trên cơ sở nhu cầu sửa chữa thực tế của các căn hộ thuộc TK1 hàng năm.

